

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND Đăk Lăk, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022
(Trình kỳ họp thứ Ba, HĐND tỉnh khóa X)

Tiếp thu ý kiến góp ý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách - HĐND tỉnh, UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, cụ thể như sau:

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2021

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm tổ chức Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh⁽¹⁾ về nhiệm vụ năm 2021 và phương châm hành động của Chính phủ là “*Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, khát vọng phát triển*”; trọng tâm cải cách hành chính của tỉnh là “*Năm hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước*”; UBND tỉnh đã sớm giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, ban hành Chương trình hành động, Chương trình công tác năm... để chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đề ra.

Trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, song với sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân trong việc thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, cùng với nỗ lực thực hiện “mục tiêu kép” là vừa kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, vừa đẩy mạnh các giải pháp phục hồi kinh tế, đảm bảo đời sống của người dân và triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất, người dân bị ảnh hưởng dịch COVID-19 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Kết quả đạt được trong năm 2021 như sau:

¹ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KTXH và dự toán NSNN năm 2021; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/12/2020 của BCH Đảng bộ tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Chương trình số 03-CTr/TU ngày 12/01/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 22/10/2020 của BCHTW về Kết luận Hội nghị BCHTW khóa XII về tình hình KTXH, NSNN năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh ngày 09/12/2020: Số 41/NQ-HĐND về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH, bảo đảm QPAN năm 2021; Số 35/NQ-HĐND về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách năm 2021 của tỉnh Đăk Lăk; Số 32/NQ-HĐND về kế hoạch XDCB năm 2021...

I. TÌNH HÌNH DỊCH COVID-19 VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TỈNH ĐẮK LẮK

1. Tình hình dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh

Cập nhật đến 06 giờ 00 ngày 07/12/2021, toàn tỉnh ghi nhận 8.553 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (trong đó có 6.367 trường hợp khỏi bệnh, 45 trường hợp tử vong, còn điều trị 2.141 trường hợp); ngành Y tế và các địa phương đã kịp thời khoanh vùng cách ly nhiều địa điểm trên các địa bàn có trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 và thực hiện giãn cách xã hội theo quy định; tính đến ngày 03/12, đã tiêm hơn 1.892.533 liều trên tổng số 1.263.947 đối tượng đích (*trên 18 tuổi*); trong đó tiêm 1 mũi là 1.208.376 liều (*đạt tỷ lệ 95,6%*) và tiêm mũi 2 là 684.157 liều (*đạt tỷ lệ 54,1%*).

Tuy nhiên, tình hình dịch COVID-19 tại tỉnh vẫn còn diễn biến rất phức tạp; số ca mắc mới vẫn tiếp tục tăng lên, số ca trung bình hàng ngày từ 100-150 ca, trong đó phần lớn là ca mắc phát hiện trong cộng đồng. Các chùm ca bệnh mới xuất hiện rất phức tạp, rải rác khắp các địa phương; một số chùm ca bệnh vẫn chưa xác định được nguồn lây, ca mắc tại các buôn đồng bào dân tộc thiểu số vẫn liên tục xuất hiện và lan ra cộng đồng, các lái xe vận tải đường dài mắc COVID-19 vẫn chưa khống chế được... khiến số ca mắc tăng nhanh và việc truy vết gặp nhiều khó khăn. Đánh giá cấp độ dịch ngày 06/12/2021 theo Nghị quyết 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế thì toàn tỉnh và 15/15 huyện, thị xã, thành phố đang ở cấp độ 2 (nguy cơ trung bình); có 95 xã ở cấp độ 1, 74 xã ở cấp độ 2, 13 xã ở cấp độ 3 và 02 xã ở cấp độ 4.

2. Hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh

Ban Chỉ đạo phòng chống dịch của tỉnh được kiện toàn, do đồng chí Bí Thư Tỉnh ủy làm Trưởng Ban Chỉ đạo, với sự tham gia của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên là lãnh đạo UBND tỉnh; có Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; đã thành lập 04 Tổ công tác của tỉnh để kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề trọng yếu của phòng chống dịch. Trung tâm Chỉ huy phòng chống dịch của tỉnh và tại 15/15 đơn vị cấp huyện, 184/184 đơn vị cấp xã trên toàn tỉnh đã được thành lập và đi vào vận hành theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, toàn tỉnh có hơn 5.800 Tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

Tỉnh đã thiết lập 07 cơ sở điều trị bệnh nhân COVID-19 với quy mô 3.722 giường theo mô hình tháp 3 tầng, trong đó: (i) Tầng 1 với quy mô 3.000 giường, tỉnh đã kích hoạt và đưa vào sử dụng Bệnh viện dã chiến số 01, số 02, số 03 để điều trị cho bệnh nhân không triệu chứng và triệu chứng nhẹ; (ii) Tầng 2 với quy mô 630 giường gồm Trung tâm Y tế huyện Krông Búk (230 giường); BVĐK Khu vực 333 (300 giường); BV Lao và bệnh phổi (100 giường) để điều trị cho bệnh nhân có mức độ trung bình; (iii) Tầng 3 gồm 01 đơn vị với quy mô 92 giường là Khu điều trị hồi sức BVĐK Vùng Tây Nguyên để điều trị cho bệnh nhân ở mức độ nặng và nguy kịch. Bên cạnh đó các Bệnh viện công tuyến huyện cũng sẵn sàng phương án điều trị bệnh nhân COVID-19 và có phương án huy

động các Bệnh viện tư nhân tham gia phòng chống dịch và điều trị bệnh nhân COVID-19.

Về công tác tiếp nhận, vận động nhu yếu phẩm hỗ trợ công dân từ vùng dịch trở về tỉnh: Từ ngày 27/4/2021 đến nay, đã tiếp nhận, sàng lọc đảm bảo an toàn cho hơn 155.000 người từ vùng dịch trở về và qua địa bàn tỉnh; riêng từ ngày 02/10/2021 đến ngày 05/12/2021 tỉnh đã tiếp nhận hơn 45.000 người trở về; hỗ trợ cho hơn 3.600 người đi bộ từ các tỉnh phía Nam qua địa bàn tỉnh; tổ chức 03 đợt đưa đón 1.095 công dân đang tạm trú tại vùng dịch trở về địa phương (trong đó: Thành phố Hồ Chí Minh 345 người, tỉnh Bình Dương 388 người, tỉnh Đồng Nai 362 người). Bên cạnh đó đã kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ cơm, bánh mì, nước uống, xăng xe, tiền mặt,... cho các trường hợp nêu trên với tổng trị giá trên 3 tỉ đồng và hỗ trợ 33,5 tấn gạo cho 1.803 hộ, 7.983 khẩu.

Trong năm 2021, Ban chỉ đạo đã thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống dịch COVID-19; đã phát huy được sức mạnh của hệ thống chính trị và huy động toàn thể cộng đồng tích cực chung tay phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn; đồng thời bảo đảm thực hiện “mục tiêu kép” - vừa chống dịch hiệu quả, vừa phát triển kinh tế - xã hội, không để gián đoạn các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn. Chủ động thực hiện “4 tại chỗ” trong phòng, chống dịch; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ người nhập cảnh, về từ vùng dịch; tăng cường xét nghiệm cho các trường hợp có nguy cơ theo quy định; tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phòng, chống dịch; sẵn sàng nhân lực, phương tiện để kịp thời tiếp nhận, sơ cứu, cấp cứu, điều trị các trường hợp mắc bệnh; huy động, hỗ trợ nâng cao năng lực y tế tại các địa phương khi cần thiết; xây dựng kịch bản, sẵn sàng ứng phó với các tình huống dịch bệnh; phương án tổ chức năm học mới 2021-2022; vấn đề đi lại giữa các địa phương trong tỉnh; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, HTX, người dân trên địa bàn; đảm bảo cung cấp đầy đủ nhu yếu phẩm, các mặt hàng thiết yếu cho người dân và triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao khả năng ứng phó với dịch bệnh; ban hành Kế hoạch đáp ứng các cấp độ phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong tình hình mới, đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, kịp thời.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh 2010) ước thực hiện 52.481,1 tỷ đồng, bằng 98,27% KH; **tăng trưởng kinh tế đạt 5,1%** so với năm 2020 (KH: 53.406 tỷ đồng, tăng trưởng kinh tế đạt 6,46%). Trong đó:

- Nông, lâm, thủy sản ước thực hiện 19.551,17 tỷ đồng, bằng 104,49% KH, tăng 3,97% (KH: 18.711 tỷ đồng, tăng 3,79%);

- Công nghiệp - xây dựng ước thực hiện 7.999,55 tỷ đồng, bằng 101,29% KH, tăng 17,98% (KH: 7.898 tỷ đồng, tăng 10,83%), trong đó công nghiệp ước thực hiện 4.786,1 tỷ đồng, bằng 106,71% KH, tăng 29,23% so với cùng kỳ (KH: 4.485 tỷ đồng, tăng 13,77%);

- Dịch vụ ước thực hiện 22.537,32 tỷ đồng, bằng 93,28% KH, tăng 2,44% (KH: 24.162 tỷ đồng, tăng 6,99%);

- Thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) ước thực hiện 2.393,07 tỷ đồng, bằng 90,82% KH, tăng 2% (KH: 2.635 tỷ đồng, tăng 8,62%).

* Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản chiếm 37,22% (KH: 33,65%); công nghiệp - xây dựng chiếm 16,47% (KH: 14,93%); dịch vụ chiếm 41,78% (KH 46,49%); thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 4,53% (KH: 4,93%).

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt 49,98 triệu đồng/người (KH: 48,07 triệu đồng/người).

(3) Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện 42.027 tỷ đồng, bằng 141,03% KH, tăng 0,27% so với cùng kỳ (KH: 29.800 tỷ đồng, tăng 13,95% so với năm 2020).

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 590 triệu USD, bằng 90,8% KH (KH: 650 triệu USD), giảm 1,67% so với năm 2020.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn ước thực hiện 85.873 tỷ đồng, bằng 100,32% KH (KH: 85.600 tỷ đồng), tăng 2,84% so với năm 2020.

(6) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 8.150 tỷ đồng, bằng 109,96% kế hoạch HĐND tỉnh giao (KH: 7.412 tỷ đồng) và bằng 151,78% kế hoạch Trung ương giao (KH: 5.369,9 tỷ đồng)⁽²⁾

(7) Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho trên 82,65% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới (KH: 82,65%); cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa 96,01% các tuyến đường tỉnh (KH: 96,01%), 92,04% các tuyến đường huyện (KH: 92,41%), 65,52% các tuyến đường xã và liên xã (KH: 65,96%). Tỷ lệ đô thị hóa đạt 24,74% (KH: 26,4%).

(8) Phát triển doanh nghiệp (DN): Ước đến 31/12/2021, có 1.050 DN thành lập mới, bằng 77,78% KH (KH: 1.350 DN), giảm 33,29% so với năm 2020; có 50 HTX thành lập mới, bằng 125% (KH: 40 HTX).

2. Các chỉ tiêu xã hội

(9) Tỷ lệ hộ nghèo ước giảm 1,75%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3-4% (KH: tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5-2,0%; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3-4%). Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị 2,6% (KH: 2,5%).

(10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm 60% (KH: 60%); tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 60,5% (KH: 61%), trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt 20% (KH: 20,19%). Giải quyết việc làm cho khoảng 29.500 lao động, trong đó xuất khẩu lao động khoảng 400 người (KH: 29.800 lao động, xuất khẩu trên 1.250 người).

² Tổng thu NSNN trên địa bàn vượt KH đầu năm đề ra nhưng Thu biện pháp tài chính dự kiến không đạt kế hoạch, ước TH 1.830 tỷ đồng, bằng 68,23% KH (KH: 2.682 tỷ đồng).

(11) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia ước đạt 54,3%, tăng 2,3% so với năm 2020 (KH: 52%).

(12) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 18,2% (KH: 18,2%). Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) ước đạt 27,5 giường (KH: 27,5 giường); số bác sỹ trên một vạn dân đạt 6,85 bác sỹ/1 vạn dân (KH: 6,85 bác sỹ/vạn dân). Tỷ lệ bao phủ BHYT theo Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh ước đạt 91,27% (KH: 91,27%)⁽³⁾.

(13) Lũy kế đến hết năm 2021, có trên 71 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng 46,7%) và 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới (KH: 69/152 xã, tương ứng 45,4%; 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới).

3. Các chỉ tiêu môi trường

(14) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 11,11% (KH: 22,22%). Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 90,7% (KH: 90,7%). Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95,5% (KH: 95,5%). Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 90,5% (KH: 90,5%). Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) đạt 39,04% (KH: 39,04%).

4. Chỉ tiêu an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội

(15) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh Nhân dân vững chắc. Diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị đảm bảo kế hoạch, chất lượng. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu. Nâng cao tỷ lệ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; điều tra, khám phá án hình sự đạt tỷ lệ trên 95,3% (KH: trên 85%), trong đó, án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 100% (KH: trên 90%). Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, giảm tỷ lệ tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết và bị thương so với năm 2020.

(16) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2021 dự kiến giữ nguyên thứ hạng năm 2020⁽⁴⁾ (KH năm 2021: tăng 5-7 bậc so với năm 2020). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt trên 20% (KH: từ 20% trở lên); 100% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (KH: >70%); 47,6% thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích (KH: >25%).

(Chi tiết tại Phụ lục 01, Phụ lục 02 kèm theo)

³ Thay thế QĐ số 1167/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của TTCP do QĐ số 1167/QĐ-TTg chỉ áp dụng thực hiện cho giai đoạn 2016-2020.

⁴ Chỉ số CCHC (PAR Index) năm 2020 đạt 83,22 điểm, xếp vị thứ 45/63 tỉnh, thành phố, tăng 5 bậc và tăng 3,69 điểm so với năm 2019.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRÊN TỪNG NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Tình hình thực hiện lập Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương cùng đơn vị tư vấn lập quy hoạch tập trung thực hiện việc lập Quy hoạch tỉnh theo quy định. Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng với đơn vị tư vấn đã cơ bản hoàn thành báo cáo đầu kỳ; dự kiến đến tháng 03/2022, UBND tỉnh sẽ trình Hội đồng thẩm định (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tiến hành thẩm định Quy hoạch tỉnh và đến cuối Quý II/2022, UBND tỉnh sẽ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh theo quy định.

1.2. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Ngành nông nghiệp và các địa phương tập trung chỉ đạo sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Năm 2021, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển ổn định, có tốc độ tăng trưởng khá; giá trị tổng sản phẩm nông, lâm, thủy sản năm 2021 (giá so sánh 2010) ước đạt 19.551,17 tỷ đồng, bằng 104,49% KH, tăng 3,97% so với cùng kỳ.

- Kết quả tiêu biểu của tái cơ cấu nông nghiệp: Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế của địa phương gắn với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; bước đầu hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn gắn với các cơ sở sơ chế, chế biến; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, đẩy mạnh tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, có chứng nhận; số lượng và tỷ lệ sử dụng phân bón hóa học giảm, phân bón hữu cơ tăng lên tương ứng; thu hút đầu tư doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến, nhất là nông nghiệp công nghệ cao và cơ giới hóa nông nghiệp được tăng cường, đã hình thành được một số khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ có vốn đầu tư hàng trăm tỷ đồng⁵).

- Trồng trọt phát triển tương đối ổn định, dần hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa; đặc biệt trong thời gian qua người dân đã áp dụng mô hình trồng cây cà phê xen canh với các loại cây ăn trái có giá trị kinh tế cao (như bơ, sầu riêng, cây có múi,...) cho hiệu quả kinh tế cao gấp 3-4 lần so với trồng thuần cà phê. Vụ Thu Đông thu hoạch được 56.439/56.439 ha, bằng 100% KH; vụ Đông Xuân thu hoạch đạt 63.556/53.580 ha, bằng 118,62% KH; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 350.499/279.606 tấn, bằng 125,35% KH,

⁵ Đã triển khai xây dựng được 112 dự án liên kết theo chuỗi giá trị, trong đó có 09 chuỗi cấp tỉnh, 103 chuỗi cấp huyện; các dự án: Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Xuân Thiện Cư M'gar: quy mô 107,61ha; Khu tổ hợp chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN Đắk Lắk (tại xã Ea M'Droh, huyện Cư M'gar): quy mô 45,07 ha; Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với diện tích 526 ha do Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk đầu tư; Vùng nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao xã Ea Tân, huyện Krông Năng, quy mô 450ha...

tăng 16.482 tấn so với cùng kỳ ⁽⁶⁾. Tính đến ngày 28/10/2021, vụ Hè Thu đã thu hoạch 147.068/205.699 ha, bằng 71,5% diện tích thực hiện; vụ Thu Đông đã gieo trồng được 46.774/53.560, bằng 87,33% KH. Tổng diện tích cây lâu năm trên địa bàn tỉnh hiện nay là 341.055/326.800 ha, bằng 104,36% KH, tăng 2,3% (tương ứng tăng 7.669 ha) so với cùng kỳ.

- Chăn nuôi, thú y: Năm 2021, ngành chăn nuôi gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 và dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp, nhất là dịch bệnh Viêm da nổi cục xảy ra trên đàn trâu, bò, khối lượng tiêu hủy 64.863,7 kg; dịch tả lợn Châu Phi, khối lượng tiêu hủy là 35.334,4 kg...Do đó, quy mô đàn trâu, bò có xu hướng giảm nhưng đàn lợn, gia cầm, dê phát triển ổn định và có xu hướng tăng (cơ cấu thịt hơi xuất chuồng của trâu, bò chiếm khoảng 9% nên không ảnh hưởng nhiều đến tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng của tỉnh). Toàn tỉnh có 65 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm với quy mô lớn, 690 trang trại quy mô vừa và 2.652 trang trại quy mô nhỏ (tiêu chí phân loại theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ); ước tổng đàn gia súc, gia cầm tỉnh đạt trên 13.645 ngàn con, bằng 101,5% KH; sản lượng thịt hơi các loại đạt trên 236 ngàn tấn và trứng các loại đạt trên 360.000 ngàn quả.

- Thủy sản: Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa và chú trọng phát triển các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. Đến cuối năm 2021, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt trên 15.000 ha, bằng 100% KH; sản lượng thu hoạch đạt trên 27.200 tấn, bằng 100% KH. Sản lượng khai thác từ nuôi trồng thủy sản đạt trên 1.700 tấn, bằng 100% KH.

- Lâm nghiệp: Ngành nông nghiệp thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các chủ rừng và các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng và PCCC rừng trên địa bàn; trong năm 2021 nhiều vụ vi phạm đã được ngăn chặn, xử lý kịp thời, số vụ vi phạm có xu hướng giảm so với thời gian trước ⁽⁷⁾; đến nay, đã trồng mới được 2.665,6/1.817 ha (bằng 146,7% KH) và trồng mới 104.721 cây phân tán.

- Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Ngành nông nghiệp và các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện tốt kế hoạch điều tiết nước, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp ⁽⁸⁾, đảm bảo tỷ lệ tưới cho cây trồng dùng nước theo kế hoạch đầu năm đề ra, đạt 82,65%. Về thiên tai: từ đầu năm đến hết tháng 10/2021, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 13 đợt thiên tai (07 trận lốc tố, 02 đợt hạn hán, 04 đợt mưa lũ), ước thiệt hại 394 tỷ đồng (không có thiệt hại về người).

- Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung thực hiện; lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 71/152 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 46,7%, tăng

⁶ Trong đó: Lúa nước 44.684 ha (đứng đầu khu vực Tây Nguyên và thứ 2 khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, sau Bình Định), năng suất lúa đạt 73,94 tạ/ha (đứng đầu khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và thứ 4 so với khu vực Miền Nam).

⁷ Từ đầu năm 2021 đến nay: Tổng số vụ vi phạm: 538 vụ, giảm 16 vụ so với cùng kỳ; lâm sản tịch thu: 373,5 m³ gỗ các loại, giảm 257,3 m³ so với cùng kỳ; phương tiện tịch thu 300 chiếc các loại, giảm 144 phương tiện so với cùng kỳ; tổng các khoản thu từ xử phạt vi phạm lâm nghiệp trên 3,37 tỷ đồng.

⁸ Trên địa bàn toàn tỉnh có tổng số 785 công trình thủy lợi, tăng 03 công trình so với năm 2020, gồm: 118 đập dâng, 57 trạm bơm và 610 hồ chứa nước với tổng dung tích hồ chứa có khoảng trên 650 triệu m³.

3,29% (tương ứng 5 xã) so với cuối năm 2020 (trong đó có 70 xã đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, còn 01 xã đang hoàn thiện thủ tục). Toàn tỉnh đạt 2.376/2.888 tiêu chí, bằng 82,3%, tăng 17 tiêu chí so với cuối năm 2020; bình quân đạt 15,63 tiêu chí/xã, tăng 0,11 tiêu chí so với cuối năm 2020. Duy trì không còn xã đạt dưới 08 tiêu chí; có 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới ⁽⁹⁾

1.3. Công nghiệp, thương mại - dịch vụ

a) Công nghiệp: Giá trị tổng sản phẩm công nghiệp (GRDP - giá so sánh 2010) năm 2021 ước thực hiện 4.786,1 tỷ đồng, bằng 106,71% KH, tăng 29,23% so với cùng kỳ.

Tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp như phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, ưu tiên các ngành công nghệ cao, thân thiện với môi trường; phát triển công nghiệp theo hướng giảm dần tỷ trọng công nghiệp khai khoáng, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo; ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại vào sản xuất, chế biến sâu; thúc đẩy, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp, năng lực cạnh tranh tốt. Bên cạnh đó, tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi phát triển công nghiệp trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp.

Nhìn chung, cơ cấu ngành công nghiệp từng bước chuyển dịch tích cực, đã tạo được sự thay đổi trong cơ cấu nội bộ ngành theo hướng gia tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm tỷ trọng công nghiệp khai thác và nâng cao năng lực cạnh tranh; giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS 2010) ước thực hiện 13.957 tỷ đồng, bằng 107,76% KH, tăng 14,78% so với cùng kỳ, trong đó: Nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,5%, nhóm công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước tăng 50,9% và nhóm công nghiệp khai khoáng giảm 12,2%.

Để suy trì sản xuất nhiều nhà máy công nghiệp đã xây dựng phương án vừa tổ chức sản xuất vừa triển khai phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại đơn vị nên hoạt động tương đối ổn định. Trong năm 2021, công nghiệp vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá (Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 20% với cùng kỳ), trong đó công nghiệp sản xuất điện là điểm sáng trong sự phát triển ngành công nghiệp của tỉnh, trữ lượng nước đủ để các nhà máy thủy điện hoạt động đúng công suất, cùng với sự phát triển nhanh của các dự án điện năng lượng tái tạo đã làm tăng sản lượng điện trên địa bàn (ước thực hiện 6.094 triệu kWh, bằng 105% KH, tăng 52,3% so với cùng kỳ).

Tình hình thực hiện các dự án điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh:

- *Về phát triển điện gió:* Có 02 dự án với tổng công suất 428,8 MW đưa vào vận hành phát điện thương mại. Cụm dự án Nhà máy điện gió Krông Búk 1, Krông Búk 2, Cư Né 1 và Cư Né 2 với tổng công suất 200MW đang tích cực triển khai thực hiện. Có 04 dự án điện gió với tổng công suất 142MW đã bỏ

⁹ Hiện nay, thành phố Buôn Ma Thuột đã được công nhận đơn vị hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới; thị xã Buôn Hồ đang lập hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền xét công nhận.

sung quy hoạch phát triển điện lực; 41 dự án với tổng công suất 9.050,3 MW đang trình bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia.

- *Về phát triển điện mặt trời*: Có 10 dự án với công suất 960 MWp đã hoàn thành đưa vào vận hành phát điện thương mại, góp phần tăng thêm công suất cho lưới điện quốc gia. Có 03 dự án đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực với tổng công suất 480 MWp. Còn 22 dự án điện mặt trời với tổng công suất 8.768 MWp được UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có 5.367 công trình điện mặt trời mái nhà đã phát điện thương mại với tổng công suất 648,9 MWp.

Tình hình hoạt động các khu, cụm công nghiệp:

- Tại Khu công nghiệp Hòa Phú, có 53 dự án đã đăng ký đầu tư, với tổng vốn đăng ký đầu tư hơn 4.600 tỷ đồng. Trong đó, có 36 dự án đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm gần 2.000 lao động.

- Tại 8 cụm công nghiệp có 166 dự án đã đăng ký đầu tư, với tổng số vốn đăng ký đầu tư ban đầu 6.000 tỷ đồng, tổng diện tích đất đăng ký 266,2 ha, đã cho doanh nghiệp thuê 225,5 ha; tỷ lệ lấp đầy 08 CCN đang hoạt động 76%⁽¹⁰⁾.

b) Thương mại - dịch vụ: Hoạt động thương mại, dịch vụ duy trì tốc độ phát triển, hàng hóa phong phú, thương mại điện tử phát triển mạnh, thị trường nội địa được chú trọng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2021 ước thực hiện 85.873 tỷ đồng, bằng 100,32% KH, tăng 2,84% so với cùng kỳ.

Ngay từ đầu năm ngành công thương và các doanh nghiệp chủ động chuẩn bị hàng hóa để bảo đảm cung cấp đủ cho người dân trong các tình huống dịch COVID-19 xảy ra; tích cực thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, chương trình “*Đưa hàng Việt về nông thôn*”, tạo thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm của địa phương. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được quan tâm thực hiện, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 590 triệu USD, bằng 90,77% KH, giảm 1,67% so với cùng kỳ. Nhập khẩu ước đạt 450 triệu USD, bằng 500% KH, tăng 80% so với cùng kỳ; nhập khẩu tăng mạnh do các dự án điện gió nhập máy móc, thiết bị phục vụ dự án.

Về dịch vụ: Ngành dịch vụ tiếp tục thực hiện cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng xã hội, trong đó ưu tiên phát triển khu vực dịch vụ tiếp cận với công nghệ hiện đại, công nghệ số, ứng dụng khoa học - công nghệ trong cung cấp các sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu hội nhập; tỉnh đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 02/7/2021) với mục tiêu phát triển khu vực dịch vụ trở

¹⁰ Trong đó: Có 103 dự án đang hoạt động với diện tích thuê đất 137 ha; 15 dự án đang xây dựng với diện tích thuê đất 25,5 ha; 17 dự án đang làm thủ tục đầu tư với diện tích đất 27,56 ha; 14 dự án tạm ngưng hoạt động, không đầu tư xây dựng với diện tích đất 35,44 ha; 17 dự án đăng ký đầu tư với diện tích đất 40,7 ha.

thành khu vực chủ chốt, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế của tỉnh với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao.

Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ: ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế, giao thông vận tải, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, điện lực, thương mại điện tử.... trên địa bàn đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả của ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ số đã giúp doanh nghiệp tiết kiệm được nhiều thời gian, chi phí trong quá trình sản xuất, tăng hiệu quả kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành dịch vụ chung của tỉnh và góp phần quan trọng vào việc duy trì tốc tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Năm 2021, giá trị tổng sản phẩm ngành dịch vụ (theo giá hiện hành) ước thực hiện 39.623,35 tỷ đồng, chiếm 41,78% trong tổng GRDP của tỉnh.

Du lịch tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19. Trong năm, tổng số khách đón tiếp khoảng 414.450 lượt, bằng 50,24% KH, giảm 45,12% so với cùng kỳ (trong đó khách quốc tế giảm 91,1%); doanh thu du lịch ước thực hiện 355 tỷ đồng, bằng 50,71% KH, giảm 46,56% so với cùng kỳ. Để thúc đẩy phát triển du lịch, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tập trung phát triển du lịch và ngành du lịch đã chủ động triển khai các giải pháp kích cầu du lịch để thu hút khách đến du lịch tại tỉnh.

1.4. Xây dựng

Giá trị tổng sản phẩm xây dựng (GRDP - giá so sánh 2010) năm 2021 ước thực hiện 3.213,45 tỷ đồng, bằng 94,15% KH, tăng 4,43% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch và quản lý vật liệu xây dựng, công bố giá vật tư, vật liệu, Chỉ số giá xây dựng hàng tháng, hàng quý và quản lý cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng... được các cấp, các ngành chức năng tổ chức thực hiện đúng quy định; công tác phát triển dự án nhà ở, khu đô thị mới trên địa bàn được tập trung thực hiện. Trong năm tỉnh đã xây dựng Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh giai đoạn đến năm 2030; tham mưu Nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030; đưa nội dung kế hoạch phát triển huyện Ea Kar lên thị xã vào năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 vào Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh,... triển khai kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư cho 05 dự án và thực hiện thủ tục xác nhận điều kiện bán nhà hình thành trong tương lai theo trình tự của Luật Kinh doanh bất động sản đối với 03 dự án (¹¹).

Các đơn vị cung cấp dịch vụ nước sạch, thu gom, vận chuyển chất thải ngày càng mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần thực hiện hoàn thành KH các chỉ tiêu về môi trường đề ra. Đến cuối năm 2021, tỷ lệ dân số đô thị

¹¹ - 05 DA gồm: (1) Khu dân cư đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar; (2) Khu dân cư đô thị TDP 9,10, thị trấn Ea Drăng, Ea H'Leo; (3) Dự án khu nhà ở thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc; (4) Khu dân cư đường Bùi Thị Xuân, thị trấn M'Drắk, huyện M'Drắk; Dự án Khu dân cư xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột.

- 03 DA gồm: (1) Dự án Đô thị sinh thái văn hóa Cà phê Suối Xanh; (2) Dự án phát triển nhà ở Tân Lợi (Khu C1,C2,C3A); (3) Dự án Khu đô thị Km7 thành phố Buôn Ma Thuột,...

được sử dụng nước sạch đạt 90,5%; tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom và xử lý đạt 90,7%. Bên cạnh đó, chính sách phát triển nhà ở thương mại đã khuyến khích nhiều thành phần kinh tế tham gia phát triển xây dựng nhà ở, góp phần phát triển thị trường nhà ở và đáp ứng được phần lớn nhu cầu của người dân; đến cuối năm 2021, diện tích nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt 29,5m² sàn/người (tăng thêm 0,5m² sàn/người so với năm 2020); tại khu vực nông thôn đạt 22,5m² sàn/người (tăng thêm 0,5m² sàn/người so với năm 2020).

1.5. Quản lý đất đai và tài nguyên

Công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, môi trường có nhiều chuyển biến tích cực; thường xuyên rà soát, xử lý tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quản lý đất đai; hướng dẫn và tổ chức thẩm định quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của cấp huyện; rà soát, điều chỉnh Phương án sử dụng đất và thu hồi, cho thuê đất của các công ty nông lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ sau khi được phê duyệt phương án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; theo dõi, kiểm tra tiến độ sử dụng đất của các dự án được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất và đánh giá sự ảnh hưởng của dịch COVID -19 để có cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp⁽¹²⁾. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý những vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Đến ngày 15/11/2021 cho hộ gia đình, cá nhân: Số Giấy cấp được: 6.517 giấy/12.000 giấy, đạt 54,3% so với chỉ tiêu KH năm; diện tích cấp: 2.403/4000 ha, đạt 60,08% so với chỉ tiêu kế hoạch năm. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh đã cấp Giấy chứng nhận lần đầu 1.016.730/1.042.739 ha, đạt tỷ lệ 97,5% diện tích cần cấp, trong đó: cấp cho tổ chức 604.575/609.475 ha, đạt 99,22%; cấp cho hộ gia đình, cá nhân 412.154 ha/433.264 ha, đạt 95,27%. Chỉ tiêu chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân là 36,48 ha/70 ha, đạt 52,11% kế hoạch năm. Hoàn thành xử lý kho thuốc bảo vệ thực vật phường Khánh Xuân, nâng tỷ lệ tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 11,11% (không đạt kế hoạch đề ra).

1.6. Giao thông vận tải

Hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn được Trung ương và địa phương quan tâm đầu tư, từng bước phát triển đồng bộ, thông suốt từ thành phố Buôn Ma Thuột đến các huyện, các xã trong tỉnh và các tỉnh lân cận, đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hoá, hành khách của người dân, góp phần phục vụ đời sống, văn hóa, kinh tế, ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng trong khu vực.

Chính phủ đã bổ sung tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050

¹² Xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về xử lý, tháo gỡ khó khăn vướng mắc về thủ tục đất đai đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích thương mại, dịch vụ đã có Quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa được thuê đất từ ngày 08/2/2021 (kể từ ngày Nghị định số 148/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành).

(Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021) và Ban quản lý dự án 6 (thuộc Bộ Giao thông vận tải) đã tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án; tổ chức làm việc với địa phương, kiểm tra thực tế hiện trường, thống nhất hướng tuyến đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột.

Công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa các quốc lộ, tỉnh lộ thuộc địa phương quản lý được các đơn vị chức năng quan tâm triển khai thực hiện cơ bản đảm bảo đúng tiến độ; cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa 96,01% các tuyến đường tỉnh (KH: 96,01%), 92,04% các tuyến đường huyện (KH: 92,41%), 65,52% các tuyến đường xã và liên xã (KH: 65,96%). Quản lý vận tải, kiểm định phương tiện, quản lý đào tạo sát hạch lái xe thực hiện đúng quy định hiện hành. Trong năm, cấp mới 25.000 Giấy phép lái xe; đổi, cấp lại 15.000 giấy phép lái xe; đã kiểm định 76.000 lượt phương tiện.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, hoạt động vận tải bị giảm mạnh; khối lượng hàng hóa vận chuyển ước thực hiện 16.244 ngàn tấn, bằng 50,31% KH, giảm 49,69%; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước thực hiện 2.474 triệu tấn.km, bằng 49,43% KH, giảm 50,57%; khối lượng hành khách vận chuyển ước thực hiện 58.345 ngàn hành khách, bằng 43,7% KH, giảm 56,83%; khối lượng hành khách luân chuyển ước thực hiện 5.705 triệu hành khách.km, giảm 57,15% so với cùng kỳ.

1.7. Thu, chi ngân sách nhà nước và hoạt động ngân hàng

a) *Thu, chi ngân sách*: Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trong bối cảnh gặp khó khăn do dịch COVID-19¹³; các cấp, các ngành, các địa phương đã cố gắng, nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ thu NSNN. Tổng thu NSNN ước đạt 8.150 tỷ đồng, bằng 109,96% kế hoạch HĐND tỉnh giao và bằng 151,78% kế hoạch TW giao¹⁴. Tuy nhiên, cơ cấu thu không đạt kế hoạch đầu năm đề ra, trong đó thu biện pháp tài chính đạt thấp (ước thực hiện 1.830 tỷ đồng, bằng 68,23% KH).

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 18.040 tỷ đồng, bằng 103,37% KH, giảm 0,11% so với cùng kỳ. Tỉnh đã kịp thời triển khai các gói hỗ trợ của Trung ương về công tác phòng chống dịch và hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; cân đối ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ kịp thời cho người lao động, người sử dụng lao động bị tác động bởi dịch COVID-19 thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b) *Hoạt động ngân hàng*: Trong năm 2021, tổng nguồn vốn huy động ước thực hiện 58.200 tỷ đồng, bằng 100% KH, tăng 10,35% so với cùng kỳ (KH: tăng 10%); tổng dư nợ cho vay nền kinh tế ước thực hiện 117.450 tỷ đồng, bằng 97,88% KH, tăng 8,03% so với cùng kỳ (KH: tăng 10%); tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội ước thực hiện 5.650 tỷ đồng, bằng 100,89%

¹³ Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 04/01/2021 về tăng cường các biện pháp thu NSNN năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 16/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường các biện pháp thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trong điều kiện diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19.

¹⁴ Trong đó: Thu thuế và phí đạt 4.621 tỷ đồng, bằng 106,23% KH; thu biện pháp tài chính đạt 1.830 tỷ đồng, bằng 68,23% KH, giảm 31,77% so với cùng kỳ.

KH, tăng 8,13% so với cùng kỳ; nợ xấu chiếm 1,96% tổng dư nợ cho vay.

Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh tập trung chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của ngành Ngân hàng năm 2021; triển khai các giải pháp mở rộng tín dụng, sản phẩm tín dụng ngân hàng để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho người dân, doanh nghiệp; trong đó ưu tiên nguồn vốn cho vay phát triển các DNNVV, phát triển nông nghiệp nông thôn, các đối tượng chính sách và hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch COVID-19 theo quy định. Bên cạnh đó, giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh vàng, ngoại hối trên địa bàn.

1.8. Công tác đối ngoại và kinh tế đối ngoại

Tỉnh đã tập trung thực hiện các hoạt động đối ngoại một cách chủ động, linh hoạt; duy trì kết nối với các địa phương nước ngoài đã thiết lập quan hệ, nâng cao hiệu quả công tác vận động viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài vượt mục tiêu đề ra (đạt 1,3 triệu USD/năm); tiếp tục tăng cường công tác ký kết thỏa thuận quốc tế, lãnh sự và quản lý biên giới. Tuy nhiên, do dịch bệnh COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, các hoạt động tiếp xúc trực tiếp không tổ chức được, tỉnh đã đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, quảng bá tiềm năng và nhu cầu địa phương với các cơ quan đại diện ngoại giao các nước tại Việt Nam và thông qua các cơ quan của Bộ Ngoại giao, tích cực tham gia các hoạt động ngoại giao kinh tế trực tuyến.

Đến tháng 11/2021, UBND tỉnh đã phê duyệt tiếp nhận 11 khoản viện trợ mới với tổng vốn cam kết là 1.466.550 USD, đạt 113% kế hoạch năm 2021. Đến nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 21 khoản viện trợ từ 17 nhà tài trợ nước ngoài về các lĩnh vực: y tế, giáo dục, tài nguyên - môi trường, phát triển nông thôn tổng hợp, giải quyết các vấn đề xã hội được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, với tổng giá trị cam kết là 2,912 triệu USD, giúp khắc phục phần nào khó khăn cho nhiều địa phương trong tỉnh, góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung. Bên cạnh đó, tỉnh chú trọng thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, quản lý đoàn vào, đặc biệt là các đoàn chuyên gia nhập cảnh vào làm việc tại tỉnh theo đúng quy định để vừa đảm bảo phòng, chống dịch bệnh COVID-19 vừa hỗ trợ cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.9. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư

Công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư, thực hiện dự án tại tỉnh. Dự kiến trong năm 2021, tỉnh cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho 22 dự án, với tổng số vốn đầu tư 11.781,78 tỷ đồng, giảm 04 dự án và tổng số vốn đầu tư giảm 9.123,7 tỷ đồng so với cùng kỳ; trong đó có 07/22 là dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thuộc lĩnh vực điện gió, nông nghiệp, với tổng vốn đăng ký 10.141 tỷ đồng (tương đương 540 triệu USD); nâng tổng số dự án FDI trên địa bàn tỉnh là 21 dự án, với tổng vốn đăng ký 12.439,23 tỷ đồng (tương đương 566,89 triệu USD).

Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Trong năm, Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 01 Dự án với tổng giá trị 118,6 tỷ đồng (¹⁵), nâng số dự án ODA đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh hiện nay là 15 dự án, với tổng vốn hỗ trợ là 5.221,33 tỷ đồng; các đơn vị chức năng đơn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn ODA; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tích cực tạo điều kiện cho dự án hoàn thành đúng tiến độ, phát huy hiệu quả.

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP): Các nhà đầu tư phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện bồi thường GPMB; đồng thời tiếp tục triển khai thi công các Dự án BT như: Đường Giải Phóng, đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến bùng binh km5, quốc lộ 26, thành phố Buôn Ma Thuột; Đường giao thông liên xã Ea Phê - Ea Kuăng - Vụ Bồn huyện Krông Pắc và Dự án Đường giao thông đoạn qua Quốc lộ 26 (km145+800) - Quốc lộ 14 - Tỉnh lộ 8, thành phố Buôn Ma Thuột theo tiến độ hợp đồng đã ký kết.

1.10. Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể

- *Về phát triển doanh nghiệp (DN)*: Ước đến 31/12/2021 có 1.050 DN thành lập mới, bằng 77,78% KH, tổng số vốn điều lệ đăng ký khoảng 17.300 tỷ đồng. Lũy kế đến 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh có khoảng 11.143 DN đang hoạt động (gồm 10.238 DN và 905 Chi nhánh DN ngoài tỉnh đăng ký hoạt động trên địa bàn). Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, số doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động tăng 6,67% so với cùng kỳ.

Các đơn vị, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; thực hiện hiệu quả các hoạt động, dịch vụ công về đăng ký kinh doanh; hướng dẫn thủ tục, đăng ký doanh nghiệp qua mạng và qua dịch vụ bưu chính. Bên cạnh đó, tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19. Đến 30/10/2021, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động đã quay trở lại hoạt động tăng 42,32% so với cùng kỳ, đã cho thấy những tín hiệu tích cực của việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 và thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ DN của tỉnh.

- *Hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh*: Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn; tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đã ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh tỉnh giai đoạn 2021-2025 (Kế hoạch số 2934/KH-UBND ngày 07/4/2021); tổ chức xây dựng Đề án thành lập Trung tâm

¹⁵ Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Lắk do Quỹ khí hậu xanh - GCF tài trợ.

Đổi mới sáng tạo tinh theo mô hình xã hội hóa⁽¹⁶⁾.

- *Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN)*: Tỉnh tiếp tục thực hiện công tác đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN trên địa bàn; tập trung xử lý các vướng mắc đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa⁽¹⁷⁾. Kịp thời báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết những nội dung vướng mắc trong quá trình thực hiện sắp xếp đối với các Công ty còn lại⁽¹⁸⁾. Xây dựng Đề án củng cố và phát triển các DNNN thuộc tỉnh quản lý và đề xuất danh mục DNNN của tỉnh thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- *Tình hình kinh tế tập thể*: Năm 2021, thành lập mới 50 HTX, bằng 125% KH. Lũy kế đến hết năm 2021, có khoảng 608 HTX và 03 Liên hiệp HTX đã đăng ký, trong đó có 482 HTX và 02 Liên hiệp HTX hoạt động. Công tác phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo thực hiện, tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2030 và xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025 để trình tại Kỳ họp thứ 3, HĐND tỉnh và thực hiện thủ tục giải thể 30 HTX theo quy định. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch COVID-19 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các HTX bị ngưng trệ, hàng hóa tồn đọng nhiều, doanh thu, thu nhập bị giảm sút.

1.11. Về xây dựng cơ bản

a) Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020:

Số vốn thuộc kế hoạch năm 2020 chuyển nguồn sang năm 2021 để thực hiện là 705,613 tỷ đồng. Tính đến ngày 20/11/2021, giải ngân được 397,829/705,613 tỷ đồng, đạt 56,38% số vốn kéo dài sang năm 2021. Hiện nay, các chủ đầu tư đang tiếp tục tập trung thực hiện các thủ tục để giải ngân.

b) Tình hình phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021:

Tổng số vốn đã phân bổ chi tiết cho các dự án trong kế hoạch năm 2021 giao đầu năm là 3.767,309 tỷ đồng, đã đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch năm 2021 do hụt thu tiền sử dụng đất theo kế hoạch năm 2021 là 1.201,350 tỷ đồng và đề nghị Trung ương cắt giảm nguồn vốn ODA là 182,948 tỷ đồng.

Tổng số vốn đã phân bổ chi tiết cho các dự án trong kế hoạch năm 2021 sau đề xuất điều chỉnh và cắt giảm là 2.826,611 tỷ đồng. Đến ngày 20/11/2021, đã giải ngân được 1.742,653/2.826,611 tỷ đồng, đạt 61,65% kế hoạch (nếu tính theo kế hoạch giao đầu năm chưa điều chỉnh, đạt 46% kế hoạch).

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

2.1. Giáo dục - đào tạo

¹⁶ Đơn vị tư vấn là Công ty Cổ phần Đầu tư Công ty cổ phần quản lý đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam (ICM) địa chỉ tại Thành phố HCM

¹⁷ Công ty CP Cà phê Thăng Lợi và Công ty CP Cấp nước Đắk Lắk.

¹⁸ Công ty TNHH MTV: Cà phê - Ca cao Thăng 10, Sản xuất - Kinh doanh tổng hợp Krông Ana, Cà phê Buôn Ma Thuột, Dray H'ling, Cà phê - Ca cao Krông Ana.

Năm học 2020-2021, ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục tập trung, nâng cao chất lượng giáo dục; xây dựng, thực hiện hiệu quả kế hoạch đổi mới căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được quan tâm, hỗ trợ, phát triển về chất lượng và số lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới giáo dục; tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (2 đợt) an toàn, nghiêm túc; tại Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia Trung học phổ thông tỉnh đạt 41 giải (gồm: 01 giải Nhất, 11 giải Nhì, 10 giải Ba và 19 giải Khuyến khích); đồng thời tích cực chuẩn bị các điều kiện và triển khai thực hiện Chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo đúng kế hoạch (lớp 1, 2 và 6); quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, đến cuối năm 2021 tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia ước đạt 54,3%, tăng 2,3% so với năm 2020.

Triển khai kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2021-2022, ngành giáo dục và đào tạo tập trung thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh. Bắt đầu từ ngày 15/9/2021, trên cơ sở đánh giá tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn, tỉnh đã đồng ý cho một số địa phương căn cứ vào tình hình thực tế, các địa bàn “vùng xanh” được tổ chức dạy học trực tiếp (đối với THCS, THPT và GDTX); các cơ sở giáo dục thuộc địa bàn vùng vàng, cam, đỏ và các cấp học còn lại như: Mầm non, Tiểu học dạy học theo hình thức trực tuyến, kết hợp với các hình thức dạy học khác. Từ ngày 04/10/2021, đối với các địa phương thuộc “vùng xanh” cho phép trẻ 05 tuổi và học sinh từ cấp Tiểu học trở lên được đến trường, lớp học trực tiếp. Đến nay, việc tổ chức dạy học trực tiếp trên địa bàn tỉnh được thực hiện linh hoạt theo các cấp độ dịch, đảm bảo phù hợp với tình hình phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo quy định. Bên cạnh đó, quan tâm hỗ trợ thiết bị học trực tuyến cho đối tượng học sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo và học sinh có hoàn cảnh khó khăn của tỉnh theo Chương trình “Sống và máy tính cho em” để thuận lợi trong công tác tổ chức dạy học (đến nay toàn ngành đã huy động được 4,3 tỉ đồng và đang chuẩn bị triển khai thực hiện công tác hỗ trợ thiết bị cho học sinh học tập).

2.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Ngành y tế tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, phát triển y tế chuyên sâu, y tế ngoài công lập; chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh nguy hiểm xảy ra. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp để phục vụ công tác khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là phòng chống dịch COVID-19.

Các cơ sở y tế, khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh duy trì thực hiện tốt hoạt động khám chữa bệnh, ngày càng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn; trong năm đã khám cho trên 1,75 triệu lượt người, điều trị nội trú cho trên 211.000 lượt người, phẫu thuật trên 51.000 lượt người. Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, ngành Y tế và các địa phương tăng cường nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và điều trị bệnh; năng lực hệ thống y tế dự phòng trong phòng chống dịch bệnh nhằm kiểm soát, giám sát, quản lý tốt các ổ dịch và các bệnh truyền nhiễm gây dịch trên địa bàn tỉnh, giảm tỷ lệ

mắc và chết do các bệnh truyền nhiễm gây dịch (¹⁹); đồng thời tập trung, quyết liệt thực hiện công tác phòng chống COVID-19; chuẩn bị nguồn lực, phương tiện vật tư, hóa chất, nhân lực để xử lý dịch bệnh hiệu quả. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 (Kế hoạch số 10699/KH-UBND ngày 01/11/2021). Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện thường xuyên, duy trì tổ chức Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2021 và tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Dự kiến đến cuối năm 2021, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 18,2% (KH: giảm còn 18,2%); đạt 27,5 giường/1 vạn dân (KH: 27 giường); 6,85 bác sỹ/ 1 vạn dân (KH: 6,85 bác sỹ); tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế theo Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh đạt 91,27% (KH: 91,27%).

2.3. Văn hóa, thể thao

Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc được quan tâm, triển khai thực hiện đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các đơn vị, cơ sở thực hiện tuyên truyền Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; các ngày lễ quan trọng trong năm 2021 (²⁰); tích cực thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, góp phần nâng cao nhận thức, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng, thể thao trường học và thể dục thể thao thành tích cao tiếp tục được quan tâm phát triển, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia; tỉnh đã xây dựng Chương trình vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030 (²¹); chuyển giao, tuyển chọn và huấn luyện vận động viên năng khiếu theo quy định; cử các đội tuyển tập huấn và tham gia các giải thể thao toàn quốc,...

Đến cuối năm 2021, dự kiến có 83,4% gia đình được công nhận gia đình văn hóa (KH: 83,5%), 82,4 % thôn, buôn, tổ dân phố được công nhận thôn, buôn, tổ dân phố văn hóa (KH: 82,5%), 56,4 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (KH: 56 xã), 56,4% phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị (KH: 56,5%), 92,4% cơ quan, đơn vị doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa (KH: 92,5%); tỷ lệ người tham gia tập luyện TDTT thường xuyên đạt 30,7% (KH:

¹⁹ Toàn tỉnh ghi nhận 1.287 trường hợp mắc sốt xuất huyết, 594 trường hợp bị tay chân miệng, 05 trường hợp mắc sốt rét, 08 trường hợp mắc và tử vong do Đại. Các bệnh truyền nhiễm khác ổn định.

²⁰ Tuyên truyền: kỷ niệm 91 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2021); hưởng ứng và tham gia cuộc vận động Hiến kế xây dựng và phát triển tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh; phối hợp hướng dẫn, tuyên truyền về đẩy mạnh phòng, chống dịch bệnh COVID-19 tại đơn vị, địa phương, các điểm vui chơi, giải trí trên địa bàn...

²¹ Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân tỉnh Đắk Lắk năm 2021 và giải việt dã tỉnh lần thứ 38 năm 2021; Kế hoạch tổ chức Đại hội Thể dục thể thao các cấp và Đại hội Thể dục thể thao tỉnh Đắk Lắk lần thứ IX 2021-2022; tổ chức giải Bóng đá Futsal toàn quốc; các trận đấu trong khuôn khổ giải Bóng đá hạng Nhất quốc gia và giải Cúp quốc gia.

31,5%); tỷ lệ gia đình luyện tập TDTT thường xuyên đạt 18,3% (KH: 18,7%); tỷ lệ trường học đảm bảo rèn luyện giáo dục thể chất đạt 100% (KH: 100%).

2.4. Lao động, thương binh và xã hội

Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội cùng các địa phương tập trung rà soát, triển khai kịp thời các chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng của COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 6657/KH-UBND ngày 21/7/2021; Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 31/7/2021 của UBND tỉnh về hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và các chính sách có liên quan, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn. Tính đến ngày 15/11/2021, đã phê duyệt hỗ trợ cho 3.818 người sử dụng lao động (*bao gồm cả hộ kinh doanh*), 63.828 người lao động với tổng số tiền là 44,67 tỷ đồng; kịp thời cấp, phát gạo cứu đói cho 9.981 hộ, 35.626 khẩu với 534,39 tấn gạo với tổng giá trị hơn 5,7 tỷ đồng từ nguồn dự trữ quốc gia và dùng ngân sách địa phương (của tỉnh, huyện) để hỗ trợ, cứu đói cho 1.019 hộ, 3.933 khẩu với 58,995 tấn gạo, với giá trị trên 825 triệu đồng.

Công tác giải quyết việc làm được chú trọng thực hiện; duy trì các phiên giao dịch việc làm, tư vấn việc làm và nghề nghiệp, góp phần đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, doanh nghiệp và nhu cầu tìm kiếm việc làm của người lao động. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch COVID-19 và thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15, 16, cùng với một lượng lớn công dân tại các tỉnh, thành phố có dịch COVID-19 xảy ra như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai,... đã tự phát di cư về Đắk Lắk, gây áp lực lớn đến công tác phòng, chống dịch của tỉnh và khó khăn trong hỗ trợ, giải quyết được việc làm cho lượng người trên. Dự kiến trong năm 2021, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 29.500 người, bằng 98,99% KH (KH: 29.800 người), giảm 2,32% so với cùng kỳ; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 2,6% (KH: 2,5%), tỷ lệ thiếu việc làm ở khu vực nông thôn 1,5% (KH: 1,3%).

Công tác dạy nghề tiếp tục được tập trung thực hiện, đặc biệt là trong công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tổng số 34 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trên địa bàn tỉnh đã tuyển mới 22.542 học sinh, sinh viên, giảm 37,31% so với cùng kỳ; tỷ lệ lao động qua đào tạo 60,5% (KH: 61%), trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ 20% (KH: 20,19).

Công tác bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng và các các chế độ, chính sách giảm nghèo được triển khai kịp thời, đúng quy định, có hiệu quả. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tích cực thực hiện và thường xuyên tổ chức thăm, tặng quà, giúp đỡ trẻ em vùng sâu, vùng xa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đảm bảo cuộc sống người dân trên địa bàn. Dự kiến năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,75%; hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3-4%, đạt kế hoạch đề ra.

2.5. Thông tin - truyền thông

Ngành Thông tin - truyền thông đẩy mạnh tiến trình chuyển đổi số, phát

triển dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ phục vụ tốt các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ làm việc qua môi trường mạng (tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của đơn vị hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 100%); triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phòng chống dịch COVID-19; vận hành Trung tâm quản lý, điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC). Tập trung tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước của tỉnh trong năm 2021, đặc biệt là tăng cường tuyên truyền Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, bầu cử Quốc hội khóa XV, bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, tình hình đại dịch COVID-19 và tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung chương trình phát thanh, truyền hình.

Mạng bưu chính viễn thông hoạt động ổn định, thông suốt, chất lượng dịch vụ đảm bảo, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của các cơ quan Đảng, nhà nước, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn. Dự kiến đến 31/12/2021, tổng số thuê bao điện thoại ước đạt 1.986.800 thuê bao, trong đó thuê bao điện thoại di động là 1.939.733 thuê bao, đạt mật độ 102 thuê bao/100 dân; tổng thuê bao internet 867.000 thuê bao, tỷ lệ người sử dụng internet thuê bao thực đạt 130%). Doanh thu từ hoạt động bưu chính đạt 305 tỷ đồng, tăng 0,79% so với cùng kỳ.

2.6. Khoa học và công nghệ (KH&CN)

Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu, chuyên giao và ứng dụng các nhiệm vụ khoa học - công nghệ được triển khai tích cực, từng bước tạo được sự lan tỏa của ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; ngành khoa học và công nghệ tích cực phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc duy trì hoạt động sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ tra cứu thông tin, hoàn thiện sáng chế; tư vấn thủ tục đăng ký bảo hộ sáng chế; hỗ trợ hoạt động đổi mới và ứng dụng công nghệ. Bên cạnh đó, tập trung triển khai hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; các đề tài/dự án đang triển khai cơ bản đúng tiến độ, nội dung được phê duyệt⁽²²⁾.

Trong năm 2021, tỉnh đã đầu tư, đưa Trại thực nghiệm KH&CN tỉnh Đăk Lăk (quy mô 6 ha) và “Trại thực nghiệm KH&CN huyện Cư M'gar” đi vào hoạt động, triển khai các mô hình ứng dụng KH&CN trên địa bàn và hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 20 tổ chức KH&CN, gồm: 04 đơn vị công lập, 12 đơn vị ngoài công lập, 04 văn phòng đại diện/chi nhánh của các tổ chức KH&CN; các tổ chức KH&CN ngày càng được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, có đóng góp tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ KH&CN, bảo vệ môi trường...

2.7. Công tác dân tộc, tôn giáo

Các đề án, chính sách hỗ trợ cho đối tượng là hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được các cấp, các ngành, các địa phương quan tâm triển khai thực

²² Gồm: 22 đề tài cấp quốc gia; 53 đề tài cấp tỉnh, 18 đề tài KH&CN cấp cơ sở.

hiện, góp phần mang lại sự thay đổi tích cực đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Bên cạnh đó, tích cực tuyên truyền phòng chống dịch Covid-19 trong vùng đồng bào DTTS và kịp thời hỗ trợ các hộ đồng bào DTTS nghèo bị nhiễm Covid-19 (101 hộ, tổng kinh phí 202 triệu đồng). Tình hình kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tương đối ổn định; an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững; người dân phấn khởi với chính sách an sinh xã hội, sự hỗ trợ của nhà nước cho các đối tượng chính sách, đồng bào DTTS, hộ nghèo, người uy tín theo Quyết định số 12/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các đề án, chính sách hỗ trợ khác⁽²³⁾.

Tình hình sinh hoạt, hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, công tác quản lý nhà nước chặt chẽ; xây dựng mối quan hệ tốt giữa chính quyền với chức sắc, tín đồ các tôn giáo.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Nội vụ, cải cách hành chính

Tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy, biên chế, đào tạo, bồi dưỡng và các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định; cơ cấu tổ chức của các sở, ngành được sắp xếp lại theo hướng dẫn của Trung ương, đảm bảo tinh gọn, phù hợp với thực tế; đẩy mạnh phân cấp, đề cao trách nhiệm và phát huy vai trò người đứng đầu. Việc điều động, sắp xếp cán bộ đảm bảo đúng quy trình và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức cán bộ; công tác khen thưởng các tập thể, cá nhân được thực hiện kịp thời. Bên cạnh đó, đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trong năm 2021 và triển khai thực hiện việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh, đảm bảo dân chủ, đúng pháp luật, an toàn. Tỷ lệ cử tri đi bầu toàn tỉnh đạt tỷ lệ 99,76%, có 06 đơn vị cấp huyện đạt tỷ lệ cử tri đi bỏ phiếu 100%; đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh được bầu đủ số lượng đại biểu, bảo đảm đúng cơ cấu thành phần.

Công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được quan tâm; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công được cải thiện; các cấp, các ngành đã tập trung thực hiện đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính theo quy định; xây dựng chính quyền điện tử được triển khai mạnh mẽ; tăng cường hợp làm việc trực tuyến, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng; Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp tục duy trì, hoạt động có hiệu quả. Đồng thời, tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao Chỉ số PAR Inder; Chỉ số PAPI; Chỉ số PCI⁽²⁴⁾. Tuy nhiên, nhiều chỉ số thành phần vẫn còn

²³ Ban Dân tộc tỉnh tiếp tục quản lý, triển khai có hiệu quả chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách về cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số; Đề án Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017-2021,....

²⁴ (1) Chỉ số CCHC (PAR Inder) năm 2020 đạt 83,22 điểm, xếp vị thứ 45/63 tỉnh, thành phố, tăng 5 bậc và tăng

đạt thấp, dự kiến năm 2021, Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) sẽ giữ nguyên thứ hạng của năm 2020 (*KH 2021 đề ra tăng 5-7 bậc so với năm 2020*).

3.2. Tư pháp

Các nhiệm vụ công tác tư pháp được ngành Tư pháp tổ chức triển khai sớm, toàn diện, đồng bộ và đã đạt nhiều kết quả tích cực. Chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện thể chế tiếp tục được nâng lên; việc triển khai công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật được thực hiện bài bản, chú trọng lựa chọn lĩnh vực được dư luận xã hội quan tâm để tiến hành theo dõi, đánh giá; công tác phổ biến, giáo dục pháp luật luôn được quan tâm, chú trọng tuyên truyền các văn bản pháp luật thiết thực với đời sống người dân, các quy định của pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp; giải quyết được số lượng lớn yêu cầu của người dân, doanh nghiệp trong lĩnh vực hộ tịch, công chứng, chứng thực, trợ giúp pháp lý, đăng ký giao dịch bảo đảm, cấp phiếu lý lịch tư pháp, gắn với việc hiện đại hoá, đơn giản hoá thủ tục hành chính.

Trong năm (tính đến 30/10/2021), toàn tỉnh đã ban hành 42 văn bản quy phạm pháp luật (trong đó HĐND tỉnh ban hành 09 văn bản QPPL, UBND tỉnh ban hành 30 văn bản QPPL; HĐND, UBND cấp huyện ban hành 03 văn bản QPPL); Sở Tư pháp thẩm định 50 dự thảo văn bản QPPL, cấp 6.510 Phiếu Lý lịch tư pháp, thực hiện 406 vụ việc trợ giúp pháp lý.

3.3. Thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo

Thanh tra các cấp, các ngành đã bám sát kế hoạch thanh tra năm 2021 được thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp phê duyệt để triển khai thực hiện; tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra. Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện nghiêm túc; qua công tác thanh tra, tự kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa phát hiện trường hợp nào có hành vi tham nhũng.

Trong năm 2021, các cấp, các ngành trong tỉnh đã triển khai 212 cuộc thanh tra hành chính và 230 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; qua thanh tra, kiểm tra phát hiện sai phạm về kinh tế với tổng số tiền 74.324 triệu đồng⁽²⁵⁾; kiến nghị thu hồi nợ ngân sách nhà nước 53.641 triệu đồng⁽²⁶⁾, kiến nghị xử lý khác 20.683 triệu đồng; đã thu hồi nợ ngân sách nhà nước 24.764 triệu đồng⁽²⁷⁾. Tiếp 2.949 lượt công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, gồm 2.886 vụ việc. tiếp nhận là 4.696 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; tổng số đơn phải xử lý là 4.718 đơn.

3,69 điểm so với năm 2019; (2) Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2020 đạt 41,53 điểm, xếp vị thứ 50/63 tỉnh, thành phố, tăng 12 bậc so với năm 2019; (3) Chỉ số PCI năm 2020 đạt 63,22 điểm, xếp hạng 35/63 tỉnh, thành phố, tăng 3 bậc so với năm 2019 và được xếp trong nhóm tỉnh thành có chất lượng điều hành khá.

²⁵ Trong đó 65.761 triệu đồng qua thanh tra hành chính; 8.563 triệu đồng qua thanh, kiểm tra chuyên ngành.

²⁶ Trong đó 45.078 triệu đồng qua thanh tra hành chính; 8.563 triệu đồng qua thanh, kiểm tra chuyên ngành.

²⁷ Trong đó 16.838 triệu đồng qua thanh tra hành chính; 7.926 triệu đồng qua thanh, kiểm tra chuyên ngành.

4. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Cơ quan quân sự, công an của tỉnh thường xuyên trao đổi, theo dõi sát tình hình, chủ động ngăn chặn các âm mưu, ứng phó kịp thời các tình huống, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn; tổ chức lễ giao, nhận quân năm 2021 tại các địa phương đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch (2.502 thanh niên); tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện đúng kế hoạch, đảm bảo an toàn, được Quân khu đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tăng cường lực lượng phối hợp quản lý, bảo vệ tuyến biên giới và phòng, chống dịch COVID-19. Tập trung triển khai thực hiện công tác cấp căn cước công dân cho người dân theo lộ trình. Thực hiện đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các loại tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; mở đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh; đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông tại các địa bàn; tăng cường tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Do đó, tình hình an ninh trật tự trên các lĩnh vực cơ bản được đảm bảo, các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, ma túy được trấn áp và kiềm giảm. Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự đạt 95,3%, cao hơn kế hoạch 10,3% (KH: >85%), trong đó tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%, vượt chỉ tiêu 10% so với kế hoạch (KH: >90%), tai nạn giao thông đường bộ giảm cả 03 tiêu chí so với cùng kỳ (giảm 86 vụ = 31%, giảm 51 người chết = 25,9%, giảm 57 người bị thương = 30,6%).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm cơ bản

Mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, song với sự nỗ lực, quyết tâm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, cùng với thực hiện quyết liệt “mục tiêu kép” vừa phòng dịch COVID-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo đời sống người dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2021 cơ bản ổn định và phát triển. Công tác phòng dịch COVID-19 được triển khai quyết liệt, từng bước được kiểm soát. Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá, sản lượng lương thực đạt vượt kế hoạch 25,35%; Chỉ số sản xuất công nghiệp, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng cao; thu NSNN, huy động vốn đầu tư trên địa bàn đạt khá, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh; cung cầu hàng hóa trên địa bàn tỉnh được bảo đảm. Các hoạt động văn hóa, xã hội, chăm sóc sức khỏe người dân, an sinh xã hội, giảm nghèo, hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 được quan tâm thực hiện, đảm bảo đời sống của người dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

Đã thực hiện đạt 14/16 chỉ tiêu đề ra, cụ thể:

- **Có 08 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, gồm:** (1) GRDP bình quân đầu người; (2) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội; (3) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; (4) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; (5) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia; (6) các chỉ tiêu về y tế; (7) Tỷ lệ số xã đạt

chuẩn nông thôn mới; (8) Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Có 06 chỉ tiêu cơ bản đạt kế hoạch, nhưng trong đó có chỉ số thành phần đạt thấp đó là:

+ Trong chỉ tiêu số 7 (phát triển cơ sở hạ tầng) có nội dung: i) Tỷ lệ cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa các tuyến đường huyện; các tuyến đường xã, liên xã thấp hơn kế hoạch đầu năm đề ra (đường huyện đạt 92,04%, KH: 92,41%), đường xã, liên xã đạt 65,52%, KH: 65,96%); ii) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2021 thấp hơn kế hoạch (đạt 24,74%, KH: 26,4%).

+ Trong chỉ tiêu số 8 (Phát triển doanh nghiệp, HTX) có nội dung: Số doanh nghiệp thành lập mới thấp hơn kế hoạch đề ra (ước có 1.050 doanh nghiệp thành lập mới, bằng 77,78% KH, KH: 1.350 DN).

+ Trong chỉ tiêu số 9 (giảm nghèo) có nội dung: Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị cao hơn kế hoạch đề ra (giảm còn 2,6%, KH: 2,5%).

+ Trong chỉ tiêu số 10 (lao động, việc làm) có nội dung: Tỷ lệ lao động có bằng, cấp, chứng chỉ thấp hơn kế hoạch đề ra (đạt 20%, KH: 20,19%); số lao động được giải quyết việc làm thấp hơn kế hoạch đề ra (đạt 29.500 người, KH: 29.800 người); xuất khẩu lao động thấp hơn kế hoạch đề ra (đạt 400 người, KH: 1.250 người).

+ Trong chỉ tiêu số 14 (về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu) có nội dung Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường thấp hơn kế hoạch đề ra (đạt 11,11%, KH: 22,22%).

+ Trong chỉ tiêu số 16 (về cải cách hành chính) có nội dung: Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2021 dự kiến giữ nguyên thứ hạng năm 2020 (năm 2020 đạt 83,22 điểm, xếp vị trí thứ 45/63 tỉnh, thành phố; KH năm 2021 tăng 5-7 bậc so với năm 2020).

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Trong năm 2021, mặc dù đạt được những kết quả như trên, nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, đó là:

Tỷ lệ tiêm chủng và bao phủ vắc-xin phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh trong năm chưa đáp ứng yêu cầu theo kế hoạch đề ra (đến ngày 20/9/2021 trên toàn tỉnh đã tiêm tổng số liều vắc xin là 160.068 liều trên tổng số 1.365.229 đối tượng đích, trong đó tiêm 1 mũi là 98.070 liều, đạt tỷ lệ là 7,18 % và tiêm đủ 2 mũi là 61.998 liều, đạt tỷ lệ là 4,54%); số ca dương tính với SARS-CoV-2 (F0) tăng cao (đến ngày 04/12 có 8.158 ca F0 trên địa bàn),.... Nguyên nhân, do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến rất phức tạp, đặc biệt là sự xuất hiện của chủng Delta và tốc độ lây nhiễm rất nhanh, cùng với một lượng lớn người dân từ các tỉnh phía Nam trở về Đắk Lắk trong cùng một thời điểm, gây áp lực lớn đến công tác kiểm soát, phòng chống dịch của tỉnh; một số địa phương trong tỉnh chưa nghiên cứu đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phòng chống dịch COVID-19; công tác phòng, chống dịch trên địa bàn có lúc, có nơi còn bị động, lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, nhất là trong thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội tại cơ sở;

việc tuyên truyền phòng chống dịch COVID-19 cho các buôn đồng bào dân tộc thiểu số chưa hiệu quả, nhiều người đồng bào dân tộc thiểu số chưa nhận biết hết sự nguy hiểm và sự lây lan của dịch. Bên cạnh đó, số lượng vắc-xin được Trung ương phân bổ còn thấp, chưa kịp thời (chỉ được tăng cường trong những tháng cuối năm).

Giá trị tổng sản phẩm (GRDP) không đạt kế hoạch do ngành dịch vụ và xây dựng không đạt kế hoạch đầu năm đề ra. Nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, tỉnh phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15, 16 nên một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn như vận tải kho bãi, lưu trú, ăn uống, nghệ thuật, vui chơi, giải trí, du lịch giảm mạnh so với cùng kỳ làm ảnh hưởng đến tăng trưởng chung ngành dịch vụ; một số dự án, công trình xây dựng tạm thời dừng thi công, kéo dài thời gian thực hiện dự án và nhu cầu khởi công xây dựng công trình mới từ người dân giảm đã ảnh hưởng đến hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Tổng kim ngạch xuất khẩu không đạt kế hoạch do nhiều doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ít có đơn hàng mới, bị giãn tiến độ giao hàng và khó khăn trong vận chuyển, lưu thông hàng hóa; một số hợp đồng xuất khẩu nông sản bị hủy hoặc tạm ngừng do một số nước có yêu cầu xét nghiệm COVID-19 đối với sản phẩm nông sản trong khi địa phương chưa có đơn vị đủ điều kiện để làm xét nghiệm COVID-19 đối với sản phẩm nông sản để xuất khẩu.

Giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp: Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, một số dự án, công trình dừng thi công nên không có khối lượng, không đủ điều kiện để giải ngân; một số công trình giải phóng mặt bằng thực hiện chậm do vướng thủ tục xác định khối lượng, giá trị đền bù, công tác tái định cư; chủ đầu tư lập phương án đền bù, giải phóng mặt bằng chưa đầy đủ và chính xác nên trong quá trình thực hiện phải làm thủ tục điều chỉnh dẫn đến kéo dài thực hiện dự án; một số dự án khởi công mới phải thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định, đến quý IV/2021 mới cơ bản hoàn thành hồ sơ; nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh thực hiện hụt 1.088 tỷ đồng nên nhiều công trình thiếu vốn để giải ngân theo kế hoạch đầu năm, đến cuối năm phải đề nghị điều chỉnh kế hoạch; vốn ODA phải trả lại Trung ương 183 tỷ đồng do vướng mắc trong thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Trung ương và nhà tài trợ.

Giải quyết việc làm chưa đạt kế hoạch đề ra và chưa giải quyết được việc làm cho số lao động từ các địa phương khác trở về; tỷ lệ xuất khẩu lao động đạt thấp (xuất khẩu lao động 400 người, bằng 32% KH; KH: 1.250 người). Nguyên nhân, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, số doanh nghiệp thành lập mới giảm mạnh và số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng lên làm cho nhiều lao động phải nghỉ việc, không tìm được việc làm. Số lao động từ các địa phương khác trở về trong cùng một thời điểm với số lượng lớn, trong khi số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động lại giảm nên số lao động mới về không thể tìm kiếm được việc làm. Xuất khẩu lao động đạt thấp do các thị trường lao động ngoài nước tạm dừng tiếp nhận lao động nhập khẩu.

Tỷ lệ người lao động có bằng cấp, chứng chỉ thấp hơn kế hoạch đầu năm đề ra do một số khoá đào tạo nghề cho người lao động đã lập kế hoạch đầu năm

nhưng không được triển khai do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19.

Chất lượng giáo dục, đào tạo các tháng đầu năm học 2021-2022 chưa cao do tỉnh phải thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch COVID-19 nên phải chọn phương thức học trực tuyến để duy trì tiến độ học tập; việc tổ chức dạy học trực tuyến gặp một số khó khăn, đặc biệt là các đối tượng tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa không đủ điều kiện về thiết bị phục vụ cho học trực tuyến, không hiểu biết về công nghệ thông tin. Bên cạnh đó công tác quản lý học sinh học trực tuyến còn nhiều bất cập.

Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường không đạt kế hoạch đề ra (đạt 11,11%; KH: 22,22%) do Cụm công nghiệp Tân An chưa xử lý xong vướng mắc về pháp lý nên chưa tiếp tục triển khai thi công phần còn lại của dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tỷ lệ đô thị hoá được xác định bằng năm 2020 (đạt 24,74%) do theo quy định tỷ lệ đô thị hóa là chỉ tiêu thể hiện sự phát triển mở rộng của đô thị được xác định bằng tỷ lệ dân số khu vực nội thành, nội thị so với tổng dân số toàn đô thị và tỷ lệ đô thị hóa gia tăng sẽ phụ thuộc vào kết quả nâng cấp quản lý đô thị, việc mở rộng không gian đô thị tại các địa phương như nâng cấp huyện Ea Kar trở thành thị xã vào năm 2025; thành lập thị trấn Pong Drang huyện Krông Buk; thị trấn Buôn Đôn huyện Buôn Đôn).

Cải cách hành chính vẫn còn nhiều chỉ tiêu thành phần đạt thấp (có nhiều đơn vị cấp huyện cập nhật hồ sơ TTHC, kết quả giải quyết TTHC lên iGate chưa đảm bảo, đạt tỷ lệ còn rất thấp; kết quả kiểm tra kết quả giải quyết hồ sơ TTHC vẫn còn hồ sơ trễ hạn,...).

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH NĂM 2022

A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

I. THUẬN LỢI

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã và đang triển khai đồng bộ nhiều chính sách, biện pháp phục hồi kinh tế sau tác động của dịch COVID-19; các Bộ, ngành, địa phương kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng dịch COVID-19 như: Giảm lãi suất, cơ cấu lại nợ, miễn giảm phí dịch vụ, thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi; gia hạn, giãn, hoãn các khoản phải nộp của doanh nghiệp về thuế, tiền thuê đất... để nhanh chóng phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh. Tình hình kinh tế - xã hội trong nước và của tỉnh từng bước phục hồi, thúc đẩy tăng trưởng, cùng với nhiều quốc gia từng bước mở cửa, giao thương trở lại, tạo điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu và đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa.

Các cấp, các ngành quan tâm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện

các dự án đầu tư; sản xuất, kinh doanh trên địa bàn để sớm đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả.

Nhiều công trình được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN đã hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư; các dự án điện gió, điện mặt trời được khai thác sẽ góp phần tăng thêm công suất cho lưới điện quốc gia, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn trong thời gian tới.

Số lượng các nhà đầu tư quan tâm đến tìm hiểu, tìm kiếm cơ hội đầu tư dự báo tăng do môi trường đầu tư của tỉnh ngày càng được cải thiện, thông thoáng; những kết quả khả quan trong thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, các nhà tài trợ quốc tế... sẽ tăng thêm lượng vốn đầu tư vào tỉnh.

Ngoài ra, cùng với sự chỉ đạo mạnh mẽ của Chính phủ trong xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cùng những chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo thuận lợi cho tỉnh trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, từ đó huy động tốt hơn các nguồn lực phát triển, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn và hỗ trợ nguồn lực để giúp cho tỉnh có điều kiện phát triển.

II. KHÓ KHĂN

Đại dịch COVID-19 vẫn diễn biến hết sức phức tạp, lan rộng, khó lường và tác động của biến đổi khí hậu,... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, đời sống người dân, đặc biệt là các ngành dịch vụ: vận tải, hàng không, du lịch, xuất khẩu và giải quyết việc làm. Ngoài ra, trong thời gian qua một lượng lớn công dân tại các tỉnh phía Nam trở về địa phương do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, gây áp lực lớn đến công tác phòng, chống dịch của tỉnh và giải quyết việc làm cho lượng người trên.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh, trong khi nguồn vốn đầu tư của ngân sách nhà nước vẫn tiếp tục khó khăn và chiều hướng giảm dần về tỷ trọng; các doanh nghiệp của tỉnh đa số là doanh nghiệp nhỏ và vừa, khả năng cạnh tranh còn hạn chế; công nghiệp chưa phát triển mạnh mẽ, đột phá, chưa tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, giá trị cao.

Việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển của tỉnh còn hạn chế do các quy định về giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất,... trong khi nguồn đất lâm nghiệp không còn rừng của tỉnh rất lớn. Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, năng lực tiếp cận nền kinh tế số còn hạn chế.

Tình hình tranh chấp, khiếu kiện đông người có lúc, có nơi còn xảy ra; một số loại tội phạm, tệ nạn xã hội vẫn còn xảy ra ở một số địa phương. Hoạt động của các thế lực thù địch, phản động, tội phạm trên địa bàn tỉnh một số thời điểm đã tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

B. MỤC TIÊU, CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với phòng, chống dịch COVID-19 trong tình hình mới. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học - công nghệ, thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số; huy động tốt mọi nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; đảm bảo đời sống người dân; xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, từng bước xứng đáng vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên.

II. DỰ KIẾN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2022

Trên cơ sở ước kết quả thực hiện năm 2021 và căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh dự kiến các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2022 như sau:

1. Các chỉ tiêu kinh tế

(1) Tổng sản phẩm xã hội (GRDP - theo giá so sánh 2010) đạt 56.299 tỷ đồng, tăng trưởng kinh tế đạt 7,27% so với ước thực hiện năm 2021. Trong đó: Nông, lâm, thủy sản đạt 20.443 tỷ đồng, tăng 4,56%; công nghiệp - xây dựng đạt 9.076 tỷ đồng, tăng 13,46%; dịch vụ đạt 24.198 tỷ đồng, tăng 7,37%; Thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) đạt 2.581 tỷ đồng, tăng 7,87% so với ước thực hiện 2021.

* Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản chiếm 36,21%; công nghiệp - xây dựng chiếm 17,5%; dịch vụ chiếm 41,74%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 4,54%.

(2) GRDP đầu người (theo giá hiện hành) đạt 55 triệu đồng/người/năm.

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 32.800 tỷ đồng⁽²⁸⁾.

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu 650 triệu USD.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn đạt 90.500 tỷ đồng.

(6) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 8.200 tỷ đồng.

(7) Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho trên 83,28% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa

²⁸ KH năm 2022 thấp hơn ước thực hiện năm 2021 do dự kiến trong năm 2022 sẽ có ít dự án quy mô lớn triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

96,01% các tuyến đường tỉnh, 93,42% các tuyến đường huyện, 67,96% các tuyến đường xã và liên xã. Tỷ lệ đô thị hóa trên 24,74%.

(8) Phát triển doanh nghiệp, HTX: Có 1.500 doanh nghiệp và 50 HTX thành lập mới.

2. Các chỉ tiêu xã hội

(9) Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,5-2,0%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 3-4%. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị còn 2,5%.

(10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm 59%; tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đạt 62%, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ đạt 20,89%. Giải quyết việc làm cho khoảng 40.000 lao động⁽²⁹⁾, trong đó xuất khẩu lao động trên 1.500 người.

(11) Tỷ lệ trường đạt chuẩn Quốc gia đạt 56%.

(12) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 18%. Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 28 giường; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 7,15 bác sỹ/1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt trên 91%.

(13) Phần đầu có 79/152 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng 52%); 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Các chỉ tiêu môi trường

(14) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 22,22%. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý đạt 91%. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96%. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 91%. Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) đạt 39,24%.

4. Chỉ tiêu cải cách hành chính

(15) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) phần đầu tăng 5-7 bậc so với năm 2021; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 20% trở lên; 100% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; trên 48,5% thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

5. Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

(16) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh Nhân dân vững chắc. Diễn tập vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị đảm bảo kế hoạch, chất lượng. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, chủ động nắm chắc tình hình và xử lý tốt các tình huống, không để bị động, bất ngờ; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu. Nâng cao tỷ lệ xử lý tố giác, tin báo về tội phạm; điều

²⁹ Bao gồm số người từ vùng dịch trở về có nhu cầu xin việc làm trong tỉnh.

tra, khám phá án hình sự đạt tỷ lệ trên 85%, trong đó, án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90%. Đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, phấn đấu giảm tỷ lệ tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết và bị thương so với năm 2021.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG NĂM 2022

Với các mục tiêu, chỉ tiêu nêu trên, UBND tỉnh đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022 của tỉnh như sau:

1. Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Trung ương về phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; chủ động các phương án, kịch bản có tính chiến lược, phù hợp với từng giai đoạn để kịp thời ứng phó với mọi tình huống; thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 với lộ trình cụ thể, khả thi, bảo đảm kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trên địa bàn theo Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ. Ban hành kế hoạch bổ sung đáp ứng các cấp độ dịch; chuẩn bị Bệnh viện dã chiến và cơ sở thu dung điều trị; tích cực triển khai thực hiện tốt việc thông tin tuyên truyền cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số về phòng chống dịch.

Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 105/NQ-CP của Chính phủ; các chính sách có liên quan và kế hoạch của tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc-xin COVID-19 cho người dân trên địa bàn ngay sau khi tiếp nhận nguồn vắc-xin của Trung ương phân bổ, hỗ trợ, phấn đấu hoàn thành bao phủ vắc-xin phòng COVID-19 cho các đối tượng theo quy định và đạt miễn dịch cộng đồng trong thời gian sớm nhất.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các chính sách, giải pháp về phòng chống dịch bệnh COVID-19 với tinh thần thích ứng với diễn biến của dịch bệnh COVID-19, từng bước khôi phục lại sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông, vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường hàng không. Tăng cường cung cấp thông tin xuất khẩu bằng nhiều hình thức và hỗ trợ, kết nối các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu trong nước với các sàn thương mại điện tử, thị trường nước ngoài nhằm giới thiệu, quảng bá và xúc tiến xuất khẩu cho những nhóm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh; phối hợp với các tỉnh thực hiện kết nối giao thương để các cơ sở, doanh nghiệp có điều kiện kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm, nông sản của tỉnh.

Theo dõi, nắm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp - thương mại trên địa bàn, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm thực hiện tốt kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp và thích ứng với diễn biến dịch

bệnh ở địa phương; hỗ trợ tìm kiếm, khai thác nguyên liệu để các nhà máy chế biến đảm bảo nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, không làm đứt gãy chuỗi cung ứng.

Tập trung phát triển du lịch, phấn đấu trở thành ngành kinh tế quan trọng theo hướng khai thác các giá trị văn hóa, sinh thái, thể mạnh của tỉnh; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch, với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sản phẩm đa dạng và nguồn nhân lực có tính chuyên nghiệp cao. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá tiềm năng, điểm đến du lịch của tỉnh và tuyên truyền, truyền thông về du lịch an toàn; xây dựng kế hoạch, chương trình khôi phục và phát triển du lịch trong trạng thái bình thường mới; mở rộng, nâng cao chất lượng các loại hình, sản phẩm du lịch của địa phương, đáp ứng đủ tiêu chuẩn đón khách trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 còn xảy ra. Bên cạnh đó, tích cực thực hiện Chương trình kích cầu du lịch khắc phục hậu quả của dịch COVID-19 và Kế hoạch phát động chương trình "*Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam*" để thu hút khách du lịch đến tỉnh trong thời gian tới.

Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội, chăm lo đời sống người có công, bảo đảm ổn định cuộc sống cho người dân trên địa bàn; quan tâm thực hiện công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tích cực tổ chức các Phiên giao dịch việc làm định kỳ, lưu động; nâng cao năng lực, chất lượng của hệ thống trung tâm dịch vụ, tư vấn giới thiệu việc làm thích ứng kịp thời với tình hình dịch bệnh COVID-19 để giúp người lao động tiếp cận những thông tin tuyển dụng, việc làm mới, đặc biệt là số lượng lao động từ các tỉnh phía Nam trở về địa phương trong thời gian qua⁽³⁰⁾. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các tỉnh phía Nam thực hiện công tác tuyên truyền, thông báo thời điểm hoạt động trở lại của các doanh nghiệp trên địa bàn, nhu cầu tuyển dụng lao động, các chính sách ưu đãi của doanh nghiệp để vận động người lao động trước đây quay trở lại làm việc.

Ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các trường hợp nhập cảnh trái phép, tổ chức xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; giám sát người đi về từ địa phương có dịch.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Khẩn trương xây dựng và triển khai kế hoạch phục hồi kinh tế của tỉnh đảm bảo phù hợp với Chương phục hồi kinh tế bền vững đến năm 2023 của Trung ương, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về Quy định tạm thời thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và tình hình thực tế của địa phương.

2.2. Trên cơ sở định hướng, quy định của Trung ương về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thường xuyên rà soát, phối hợp hoàn thiện, xây dựng cơ chế, chính sách góp phần xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, tạo khuôn khổ pháp lý cho sự vận hành và phát

³⁰ Qua rà soát, số lao động trở về từ vùng dịch có nhu cầu hỗ trợ học nghề, giải quyết việc làm là 40.249 người. Trong đó: 22.746 người có nhu cầu trở lại nơi làm việc trước đây; 11.002 người có nhu cầu tìm việc trong tỉnh; 368 người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động; 3.986 người có nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm, vay vốn phát triển sản xuất; 2.147 người có nhu cầu tham gia học nghề.

triển kinh tế; tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp hoạt động, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh trên địa bàn

2.3. Tập trung hoàn thành việc lập Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch; lập Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045 theo Công văn số 1285/TTg-CN ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.4. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với phát triển chiều sâu, đẩy mạnh phát triển chiều sâu ở một số ngành, lĩnh vực như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến, năng lượng tái tạo... và một số địa phương như Buôn Ma Thuột, Cư M'gar, Ea H'leo, Buôn Đôn, Ea Súp.... Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; cơ cấu ngành, lĩnh vực, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển dần từ khai thác tối đa nguồn lực tự nhiên sẵn có sang dựa vào năng suất, chất lượng lao động, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; tập trung vào những ngành có lợi thế cạnh tranh, tiềm năng của tỉnh để hình thành các ngành, sản phẩm mũi nhọn, chủ lực, đảm bảo tăng trưởng bền vững như: phát triển công nghiệp tái tạo, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản xuất khẩu, phát triển dịch vụ và du lịch.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Lắk; Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Kế hoạch tái cơ cấu ngành công thương; Kế hoạch tái cơ cấu ngành dịch vụ; đồng thời tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên.

2.5. Tích cực huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông, đô thị, công nghệ thông tin... và ưu tiên nguồn lực đầu tư theo hướng lấy thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên theo Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị. Tập trung thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09/7/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.6. Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Khẩn trương rà soát tất cả các dự án đầu tư đã hoàn thành nhưng chưa đi vào hoạt động, có giải pháp phù hợp để nhanh chóng đưa dự án vào hoạt động, đưa vốn vào nền kinh tế, đóng góp chung cho tăng trưởng.

2.7. Về phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao

giá trị gia tăng dựa trên chất lượng, giá trị nội sinh của sản phẩm và đa giá trị; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi cơ cấu sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; sản xuất tập trung, quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, gắn với bảo quản, chế biến và kết nối chặt chẽ với thị trường tiêu thụ, trên cơ sở phát triển mạnh các hình thức hợp tác, liên kết giữa hộ gia đình với các tổ chức tín dụng, tổ chức khoa học, công nghệ, doanh nghiệp, HTX; đồng thời gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững.

- Thúc đẩy hình thành các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn, an toàn sinh học, hiện đại; ứng dụng có hiệu quả tiên bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất; xây dựng thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, triển khai sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng, có nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý; tăng cường phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Theo dõi sát diễn biến thời tiết để có dự báo, cảnh báo thiên tai kịp thời cho các địa phương và người dân chủ động ứng phó, đảm bảo ổn định sản xuất, đời sống; đầu tư, quản lý, khai thác hợp lý các công trình thủy lợi, điều tiết nước phù hợp, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn ổn định, bền vững.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, bảo đảm thực chất và phù hợp với khả năng, nguồn lực của địa phương; Chương trình OCOP, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp quản lý, bảo vệ phát triển rừng, phòng chống cháy rừng. Tập trung trồng rừng, trồng cây phân tán, góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

2.8. Về phát triển công nghiệp

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế, công nghiệp chế biến sâu, năng lượng tái tạo (phát triển bền vững điện năng lượng mặt trời, điện gió tại địa bàn có tiềm năng theo Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 15/7/2020 của Tỉnh ủy về phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045); cơ khí chế tạo phục vụ sản xuất, chế biến trong nông nghiệp, chăn nuôi, công nghiệp phần mềm, gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ. Nâng cao giá trị sản phẩm công nghiệp trên cơ sở cơ giới hóa, tự động hóa, ứng dụng thành quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong quá trình thực hiện tái cơ cấu công nghiệp. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức sản xuất theo phương châm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID 19”; hỗ trợ tìm kiếm, khai thác nguyên liệu để các nhà máy chế biến đảm bảo nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, không làm đứt gãy chuỗi cung ứng; đồng thời kịp thời hướng dẫn các doanh nghiệp công nghiệp tham gia các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết.

- Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng trong khu, cụm công nghiệp của tỉnh nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước trên cơ sở chọn lọc những dự

án có chuỗi giá trị kinh tế cao, tạo nhiều việc làm cho người lao động tại chỗ; nâng cao tỷ lệ lấp đầy tại các khu, cụm công nghiệp, trong đó chú trọng thu hút các công ty công nghệ - thông tin, sản xuất phần mềm đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh.

2.9. Về phát triển thương mại, dịch vụ

- Đánh giá sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương (Khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm quảng bá các sản phẩm của địa phương, mở rộng tiêu thụ nội địa và thị trường xuất khẩu; khuyến khích các đơn vị liên quan đến dịch vụ vận tải, tài chính, thuế, hải quan... cải tiến và nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm; phối hợp với các tỉnh thực hiện kết nối giao thương để các cơ sở doanh nghiệp có điều kiện kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm của tỉnh trong bối cảnh bị ảnh hưởng, tác động của dịch COVID-19; tăng cường kế hoạch đưa hàng Việt về nông thôn để đảm bảo đời sống cho người dân vùng sâu, vùng xa. Thực hiện tốt việc điều tiết hàng hóa, quản lý thị trường, chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng lậu, góp phần bình ổn giá cả, thị trường, lưu chuyển hàng hóa.

- Tích cực kêu gọi đầu tư xây dựng trung tâm logistic vùng; khuyến khích thu hút đầu tư hạ tầng thương mại, từng bước phát triển hạ tầng thương mại điện tử, phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại, mạng lưới cửa hàng tiện lợi trong các khu dân cư với giá cả phù hợp, chất lượng bảo đảm và tiện lợi cho tiêu dùng của dân cư.

- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao và có tiềm năng như: Du lịch sinh thái, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải, logistics, giáo dục, y tế, khoa học... Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển các ngành dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, ứng dụng mạnh công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số.

2.10. Về lĩnh vực xây dựng

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng; xây dựng kế hoạch lập, rà soát điều chỉnh quy hoạch xây dựng năm 2022. Ưu tiên các dự án phát triển khu đô thị đồng bộ, bản sắc, hiện đại; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Phát triển đô thị toàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn đến năm 2030; Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 426-KL/TU của Tỉnh ủy; sớm hoàn thiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2020-2025; lập Chương trình phát triển đô thị Ea Kar; xây dựng đề án và chương trình hành động thực hiện hoàn thiện các tiêu chuẩn của đô thị loại I là thành phố trực thuộc Trung ương được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016UBTVQH13 ngày 25/5/2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xây dựng và phát triển ổn định thị trường bất động sản; tiếp tục triển khai Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 và định hướng

đến năm 2030 theo quy định. Tổ chức thẩm định các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng và rút ngắn thời gian để sớm triển khai thực hiện đầu tư.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, phát huy các nguồn lực đầu tư trong các lĩnh vực đầu tư - quản lý - khai thác hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ đô thị; từng bước đảm bảo cấp nước sạch, an toàn theo quy định; xử lý hiệu quả nước thải sinh hoạt và thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường năng lực hoạt động xây dựng của các đơn vị tư vấn, thường xuyên theo dõi, đánh giá, xếp hạng các đơn vị tư vấn hoạt động trên địa bàn; công bố thông tin những đơn vị tư vấn có vi phạm trong hoạt động xây dựng; kiểm soát chặt chẽ việc cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với các đơn vị tư vấn, kiên quyết không cấp mới hoặc cấp lên hạng đối với các đơn vị không đủ năng lực hoặc để xảy ra nhiều sai sót, vi phạm trong quá trình hoạt động.

2.11. Về lĩnh vực giao thông vận tải

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao thông, vận tải; tích cực huy động, kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án giao thông trên địa bàn để từng bước đạt mục tiêu, định hướng phát triển giao thông trên địa bàn tỉnh theo Chương trình số 07-CTr/TU ngày 09/4/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hạ tầng giao thông kết nối vùng Tây Nguyên và các tỉnh Duyên hải miền Trung đến năm 2025. Tổ chức quản lý, bảo trì tốt các quốc lộ, tỉnh lộ thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hướng dẫn thi công các dự án công trình giao thông trên địa bàn đảm bảo ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 theo quy định tại Quyết định số 1811/QĐ-TTg ngày 16/10/2021 của Bộ Giao thông vận tải.

- Tổ chức hoạt động vận tải đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; đồng thời căn cứ các cấp độ dịch trên địa bàn hướng dẫn thực hiện hoạt động kinh doanh vận tải hành khách nội tỉnh và liên tỉnh theo quy định tại Quyết định số 1812/QĐ-TTg ngày 16/10/2021 của Bộ Giao thông vận tải. Tiếp tục quản lý tốt công tác đào tạo, sát hạch lái xe cơ giới; hoạt động kiểm định xe cơ giới tại địa phương theo quy định hiện hành.

2.12. Về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả và sử dụng hợp lý tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, khoáng sản, rừng; đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên của địa phương cho phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, đảm bảo theo dõi và chỉ đạo kịp thời đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đất công, đất có nguồn gốc nông, lâm trường; kiểm tra, rà soát các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, giao đất, cho thuê đất; kiên quyết thu hồi và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng. Thực hiện công tác thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo

đúng thời gian quy định; thực hiện cấp giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu, phấn đấu đạt 100% kế hoạch đề ra.

- Đẩy nhanh tiến độ lập Phương án quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất có nguồn gốc thu hồi từ các nông trường giao địa phương quản lý theo quy định, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với quy định pháp luật đất đai về loại đất, đối tượng sử dụng đất, hình thức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, hạn mức sử dụng đất, điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất, làm cơ sở giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động khoáng sản và tài nguyên nước, đặc biệt là hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm pháp luật. Kiểm soát có hiệu quả sản lượng khai thác khoáng sản. Triển khai có hiệu quả kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu.

2.13. Về thu, chi ngân sách nhà nước

Tăng cường quản lý thu ngân sách nhà nước, khai thác hiệu quả các nguồn thu từ quỹ đất, khoáng sản, quyết liệt việc thu hồi các khoản nợ đọng thuế, phấn đấu hoàn thành dự toán năm 2022 được Trung ương và HĐND tỉnh giao. Thực hiện tốt việc cân đối thu - chi NSNN, đảm bảo nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, trong đó ưu tiên nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch COVID-19. Chi ngân sách địa phương tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, ưu tiên cho chi đầu tư phát triển; không để xảy ra tình trạng nợ lương và các chính sách an sinh xã hội.

2.14. Về hoạt động ngân hàng

Các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh cân đối, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh; kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xem xét miễn giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, giảm phí... đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; tăng số lượng doanh nghiệp và người dân tiếp cận với các dịch vụ tài chính, ngân hàng cho các tổ chức tín dụng cung ứng.

2.15. Về hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể

- Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư; cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, người dân thực hiện thủ tục hành chính tại tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV, các chính sách hỗ trợ DNNVV theo quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ và các chính sách khác của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ, nâng cao năng lực hệ

sinh thái khởi nghiệp của tỉnh, tập trung triển khai Đề án của Chính phủ về hỗ trợ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 (Đề án 844), trong đó ưu tiên hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển các sản phẩm khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm khởi nghiệp trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số theo Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh công tác sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN thuộc tỉnh quản lý theo Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; thường xuyên theo dõi, kịp thời xử lý những vướng mắc sau khi chuyển đổi, cổ phần hóa, giải thể doanh nghiệp nhà nước; tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm các vướng mắc trong quá trình sắp xếp, đổi mới, đặc biệt là trong công tác giải thể các Công ty nông nghiệp.

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 17/3/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển kinh tế tập thể; chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các HTX kiểu mới theo quy định tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức hỗ trợ kết nối doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với HTX, THT và nông dân, sản xuất theo chuỗi giá trị. Quan tâm bố trí, lồng ghép kinh phí để thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh tế hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể. Khuyến khích các tổ chức KTTT, HTX chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từng bước thực hiện chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm.

2.16. Về xúc tiến, thu hút đầu tư và kinh tế đối ngoại

- Xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại của tỉnh; đổi mới hình thức triển khai công tác ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa và thông tin đối ngoại. Chú trọng thúc đẩy hợp tác kinh tế, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục đào tạo; tăng cường thu hút viện trợ phi chính phủ nước ngoài; quản lý chặt chẽ các hoạt động đối ngoại theo đúng quy định.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư; tăng cường tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư, các lợi thế, danh mục các dự án mời gọi đầu tư của tỉnh. Tiếp cận trực tiếp các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính, công nghệ tiên tiến trong và ngoài nước để mời gọi đầu tư vào tỉnh; tích cực huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, quản lý có hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn đầu tư công, tranh thủ sự hỗ trợ đầu tư của Trung ương và các tổ chức quốc tế (ODA, FDI). Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của tỉnh để tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư vốn, thu hút đầu tư hiệu quả.

- Cụ thể hóa và ban hành đầy đủ các quy định của địa phương về triển khai công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, giải quyết các thủ tục đầu tư; kịp thời phát hiện, kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác thu hút đầu tư.

- Đẩy mạnh hình thức xã hội hóa trong các lĩnh vực, giáo dục, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường...; hợp tác đầu tư trong xây dựng kết cấu hạ tầng theo các hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định của Nhà nước.

3. Về thực hiện kế hoạch đầu tư công

Sớm triển khai kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo quy định; việc xác định khối lượng và giá trị đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có) đối với từng dự án, công trình phải được kiểm soát từ bước lập và phê duyệt dự án đầu tư; khắc phục tình trạng điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do phát sinh chi phí đền bù quá lớn xuất phát từ việc không tính đầy đủ ngay từ ban đầu; không để tình trạng ký hợp đồng xây lắp, ứng vốn khi chưa có mặt bằng thi công.

UBND tỉnh xác định trách nhiệm cụ thể của chủ đầu tư, các cơ quan có liên quan trong thực hiện từng dự án, công trình để có biện pháp chỉ đạo kịp thời trong công tác phối hợp nhằm không để xảy ra vướng mắc mà không được xử lý.

Để đảm bảo nguồn vốn đầu tư công đáp ứng kịp thời tiến độ đầu tư, UBND tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch chi tiết, thời gian giải quyết các thủ tục đối với các dự án có thu tiền sử dụng đất và chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện đầy đủ trách nhiệm, thời gian theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra để phát hiện và xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc cho từng dự án, công trình.

4. Về phát triển văn hóa - xã hội

4.1. Về giáo dục - đào tạo, dạy nghề

- Căn cứ tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn, rà soát các điều kiện để hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức dạy học trực tiếp, tập trung trong trạng thái bình thường mới, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch COVID-19 trong trường học, trong đó tỉnh sẽ xem xét ưu tiên phân bổ nguồn vắc xin để tiêm phòng cho học sinh của tỉnh nhằm đảm bảo an toàn cho các em khi được đến trường học trực tiếp. Đối với các trường học đang được trưng dụng làm nơi cách ly tập trung, phục vụ công tác phòng chống dịch, sau khi hoàn thành việc trưng dụng làm nơi cách ly tập trung, nhanh chóng sửa chữa, hoàn thiện, khử khuẩn, đảm bảo an toàn để sẵn sàng đón học sinh đi học trực tiếp trở lại.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện tốt chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (mới); đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong dạy và học; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới. Khuyến khích, đẩy mạnh công tác xã hội hóa và tăng cường tự chủ trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học các cấp phục vụ dạy và học,

kiên cố hóa phòng học, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình “Sống và máy tính cho em” để góp phần tạo thuận lợi trong công tác tổ chức dạy học.

Ngành giáo dục và đào tạo phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng thực hiện hiệu quả các giải pháp hỗ trợ các cơ sở giáo dục đào tạo, giáo viên, nhân viên phải tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không lương do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 để các đối tượng trên có điều kiện quay trở lại hoạt động, làm việc.

Tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển mạnh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao và đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đội ngũ công nhân, lao động kỹ thuật có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, trong đó chú trọng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; thực hiện đa dạng hoá phương thức đào tạo theo mô hình giáo dục mở và chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyên đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

4.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Tiếp tục phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả các dịch vụ y tế; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh; nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở, công tác chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới của tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa lĩnh vực y tế, từng bước phát triển hệ thống khám chữa bệnh ngoài công lập phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và phát triển theo hướng hiện đại. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế; chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới, từng bước khắc phục khó khăn về nhân lực cho các đơn vị y tế tuyến cơ sở.

- Phát triển hệ thống y tế dự phòng, nâng cao năng lực giám sát, phát hiện, khống chế các bệnh dịch mới phát sinh và các bệnh dịch nguy hiểm khác, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn; chủ động triển khai tốt công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19; chuẩn bị đầy đủ phương tiện vật tư, hóa chất, nhân lực để kịp thời xử lý dịch bệnh; tổ chức đánh giá, công bố cấp độ dịch; tăng cường công tác truyền thông về phòng, chống dịch và duy trì kiểm dịch y tế biên giới; chủ động thực hiện tầm soát COVID-19 từ cơ sở, diện rộng, nhằm sàng lọc và phát hiện sớm các ca nhiễm từ cộng đồng. Tiếp tục triển khai công tác tiêm vắc-xin phòng COVID-19 theo kế hoạch đã ban hành; chuẩn bị sẵn sàng tổ chức tiêm chủng ngay khi tiếp nhận vắc-xin.

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện chính sách y tế, cải cách hành chính trong việc cung ứng các dịch vụ y tế; triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, theo dõi hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán bảo hiểm y tế. Thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử đến từng người dân. Thực hiện đề án bệnh viện vệ tinh, lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lưu thông, phân phối, sử dụng dược phẩm, các vật tư, thiết bị y tế, đảm bảo

vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Tiếp tục thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để gia tăng diện bao phủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội; đẩy mạnh phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện và phấn đấu giảm số đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần theo định hướng chung của Trung ương.

4.3. Về Văn hoá, thể thao và du lịch

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa; kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa đồng bào các dân tộc thiểu số trong tỉnh. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, trưng bày, triển lãm, chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh.

- Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng, thể thao học đường trên địa bàn gắn với cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; đẩy mạnh xã hội hóa, tăng thêm nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất thể dục, thể thao tuyến cơ sở. Chú trọng đào tạo, phát triển lực lượng thể thao thành tích cao, nâng cao chất lượng một số môn thể thao có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Tổ chức, phối hợp tổ chức các giải thể thao toàn quốc tại tỉnh Đắk Lắk theo Kế hoạch, đảm bảo công tác phòng dịch COVID-19 theo quy định; kiểm tra công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện và thực hiện các chế độ vận động viên thể thao thành tích cao; cử các đội tuyển tham gia các giải thể thao toàn quốc khi đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng chống dịch COVID-19.

- Tập trung triển khai các giải pháp khôi phục và phát triển du lịch trong giai đoạn bình thường mới; tăng cường truyền thông về việc mở cửa du lịch trở lại cho khách nội địa và chuẩn bị sẵn sàng các phương án để đón khách quốc tế đến du lịch tại tỉnh khi đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng chống dịch COVID-19; vận động các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước, mở rộng, nâng cao chất lượng các loại hình, sản phẩm du lịch của địa phương; chủ động xây dựng sản phẩm dịch vụ, du lịch mới; nâng cấp sản phẩm dịch vụ, du lịch hiện có đảm bảo các tiêu chí du lịch an toàn, phù hợp; tăng cường ứng dụng công nghệ số và thực hiện Chương trình kích cầu du lịch khắc phục hậu quả của dịch COVID-19 và Kế hoạch phát động chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” trên địa bàn tỉnh.

4.4. Về lao động, giải quyết việc làm

Quan tâm thực hiện các hoạt động hỗ trợ, giải quyết việc làm cho người lao động; triển khai tư vấn giới thiệu việc làm, tư vấn học nghề cho người lao động bằng nhiều hình duy trì các hội chợ, phiên giao dịch việc làm trên địa bàn tỉnh với sự tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước và đặc biệt là các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động; hỗ trợ lao động nghèo học nghề và giải quyết việc làm sau đào tạo, chú trọng công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Thường xuyên giữ mối liên hệ với 03 địa phương đã thỏa thuận hợp tác

trong năm 2022 và các năm tiếp theo, gồm: Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương để thực hiện việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho người lao động tỉnh Đắk Lắk trở lại làm việc. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố bằng nhiều hình thức để kết nối doanh nghiệp và người lao động: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các chính sách của các tỉnh, doanh nghiệp để người lao động có nhu cầu trở lại làm việc ở các tỉnh; xây dựng chương trình, ký kết thỏa thuận hợp tác thông tin, tuyển dụng lao động giữa Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh và các tỉnh; xây dựng các sàn thông tin, tuyển dụng lao động trực tuyến để các doanh nghiệp thuận lợi, tiếp cận, thông tin, phỏng vấn người lao động; kết nối, mời một số doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động lớn đến các huyện có nhu cầu lao động đi làm việc ở các tỉnh cao để trực tiếp thông tin, tuyển dụng người lao động. Bên cạnh đó, thường xuyên phối hợp với Trung tâm giới thiệu việc làm và các đơn vị chức năng của các tỉnh để hỗ trợ người lao động trở lại làm việc tại các địa phương: Tiêm vắc-xin; phương tiện di chuyển; phản ánh những đề xuất, kiến nghị của người lao động...

4.5. Về công tác giảm nghèo

Đa dạng hóa nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; lồng ghép hiệu quả giữa các nguồn vốn từ các Chương trình, dự án đầu tư trên cùng địa bàn, đối tượng; tăng cường huy động vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng; các cấp, các địa phương ưu tiên bố trí đủ kinh phí từ ngân sách nhà nước đảm bảo thực hiện các chính sách giảm nghèo, đặc biệt là các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao, nhằm đạt được các chỉ tiêu đề ra, góp phần nâng cao mức sống của người dân, nhất là đối với vùng nông thôn, biên giới.

4.6. Về an sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội và các chế độ, chính sách đối với người có công, công tác bảo trợ xã hội, công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em, công tác phòng, chống các tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh theo quy định, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng của dịch COVID-19, bảo đảm ổn định cuộc sống cho các đối tượng xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội; không để sót, để lọt đối tượng, địa bàn cần hỗ trợ.

4.7. Về phát triển khoa học, công nghệ

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ; phát triển khoa học, công nghệ hướng vào khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh; triển khai thực hiện có hiệu quả các đề tài khoa học, các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất, góp phần nâng cao giá trị hàng hóa sản xuất trong chuỗi sản phẩm, thúc đẩy chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu đề ra và bảo vệ môi trường.

- Hỗ trợ, khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nghiên

cứu phát triển, chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Phát huy vai trò của các trung tâm khoa học và công nghệ, viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tham gia các chương trình nghiên cứu quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển và ứng dụng công nghệ cao; năng lượng tái tạo; chương trình quản lý và bảo tồn nguồn gen... Đẩy mạnh hợp tác, liên kết, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ với các tỉnh, thành phố và Viện nghiên cứu, Trường Đại học trong và ngoài nước. Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện hiệu quả các Chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và các đề án bảo tồn quỹ gen của tỉnh; Kế hoạch triển khai cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; duy trì và phát triển bền vững các hoạt động khởi nghiệp và khởi sự kinh doanh của tỉnh. Triển khai, hoàn thành thủ tục thành lập Trung tâm đổi mới, sáng tạo tỉnh Đắk Lắk.

4.8. Về thông tin và truyền thông

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, khai thác, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và toàn bộ nền kinh tế. Việc thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương; đảm bảo thông tin truyền thông, thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền địa phương. Thực hiện quyết liệt chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 06/4/2021 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh). Vận hành có hiệu quả Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC).

- Tăng cường gắn kết chặt chẽ ứng dụng công nghệ thông tin với hoạt động cải cách hành chính. Tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đồng bộ với thực hiện cải cách hành chính; nhấn mạnh các giải pháp tăng mức độ sẵn sàng thích ứng với nền sản xuất trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

4.9. Về công tác dân tộc

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019; Nghị quyết số

120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm các chương trình, đề án, chính sách dân tộc được thực hiện công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực của cộng đồng và người dân. Huy động, lồng ghép nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng vùng đồng bào DTTS, hỗ trợ cho các hộ đồng bào DTTS. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc ở các cấp, các ngành; phòng, chống các biểu hiện tiêu cực trong quá trình thực hiện.

5. Về nội chính, cải cách hành chính (CCHC), phòng chống tham nhũng

- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả trong từng cơ quan, đơn vị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị quyết của Chính phủ, Chương trình số 26-CTr/TU, Chương trình số 27-CTr/TU của Tỉnh ủy, kế hoạch của UBND tỉnh về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc xây dựng cơ cấu công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Thực hiện các quy định về hệ thống tiêu chuẩn, chức danh ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và chức danh lãnh đạo, quản lý. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; triển khai Kế hoạch CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 đạt hiệu quả; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành chính quyền các cấp; duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ gắn với xử lý trách nhiệm của người đứng đầu. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, mẫu hóa các thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian thực hiện; triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan nhà nước ở địa phương theo quy định; tổ chức công bố chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh năm 2020 (chỉ số DDCI).

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định văn bản QPPL, đảm bảo văn bản QPPL được ban hành đúng pháp luật, thống nhất, đồng bộ và có tính khả thi cao; nâng cao chất lượng công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản, chú trọng kiến nghị xử lý các văn bản đã hết hiệu lực, trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội được phát hiện thông qua rà soát và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện; đẩy mạnh, đổi mới, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến công chức, viên chức toàn thể người dân trên địa bàn tỉnh; chú trọng đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ pháp lý cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện công tác thanh tra theo kế hoạch; tập trung thanh tra vào các lĩnh vực quan trọng, dễ xảy ra tiêu cực, vi phạm, tham nhũng; đẩy mạnh

thanh tra trách nhiệm thực thi công vụ. Tiếp tục phối hợp, thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm, tham nhũng; xử lý kiên quyết, kịp thời các trường hợp vi phạm. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong nhân dân về phòng, chống tham nhũng; tăng cường tính minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản công.

6. Về quốc phòng, an ninh

Nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Tiếp tục xây dựng, kiện toàn tổ chức biên chế lực lượng vũ trang tỉnh theo quy hoạch hàng năm của Bộ, bảo đảm phương châm “Tinh, gọn, mạnh”; xây dựng cơ quan quân sự các cấp, các đơn vị bộ đội thường trực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, các đơn vị biên phòng, các lực lượng cơ động của Công an tỉnh sẵn sàng chiến đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Hoàn thành nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện; diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã theo kế hoạch; tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu.

Tiếp tục nắm chắc tình hình, chủ động xử lý các tình huống, giải quyết kịp thời những vụ việc nổi cộm, không để phát sinh thành điểm nóng; xử lý triệt để các băng, nhóm tội phạm hoạt động có tổ chức, hoạt động của các loại tội phạm nổi lên; tăng cường công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ; quản lý cư trú, cấp căn cước công dân, quản lý xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, quản lý ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ,.. không để tội phạm lợi dụng hoạt động; chủ động lực lượng, phương tiện, trực sẵn sàng tham gia PCCC và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn khi có tình huống xảy ra.

Trên đây là kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH.160b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà